CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 0305/2021/HVA	*Hà Nội, ngày 03 tháng 05 năm 2021*

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GDCK HÀ NỘI

Kính gửi: - **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA**
Mã chứng khoán: **HVA**
Địa chỉ trụ sở chính: Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, Phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.
Điện thoại: 02923.826.688 Email: cbtt.hva@gmail.com
Người thực hiện công bố thông tin: **LÊ HOÀI NAM**
Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Loại công bố thông tin: ☐ Định kỳ ☒ Bất thường ☐ 24 giờ ☐ Theo yêu cầu
Nội dung thông tin công bố: HVA Công bố thông tin tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Tài liệu họp được Công ty cổ phần Đầu tư HVA công bố ngày 03/05/2021 và cập nhật liên tục theo đường dẫn: https://hva.group/category/quan-he-co-dong/thong-tin-chung/
Tôi cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu kèm theo:
- Tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
Chủ tịch Hội đồng quản trị

LÊ HOÀI NAM

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA
Ký ngày: 3/5/2021 18:08:16
Scanned with CamScanner

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA
Địa chỉ: Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, P. An Khánh, Q. Ninh Kiều, TP Cần Thơ
Điện thoại: 02923.826.688 Fax:
Email: cbtt.hva@gmail.com Website: http://hva.group/

Cần Thơ, ngày 29 tháng 04 năm 2021

THƯ MỜI
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư HVA

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Đầu tư HVA trân trọng kính mời Quý Cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Chi tiết như sau:

1. Thời gian: 8 giờ 00 phút, Thứ 2 ngày 24/05/2021

2. Địa điểm: Tầng 3, Tòa nhà SME Hoàng Gia, số 6 Tô Hiệu, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

3. Nội dung Đại hội: Theo Chương trình Đại hội đính kèm

4. Đăng ký và xác nhận tham dự đại hội:

Tất cả các cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư HVA có tên trong Danh sách cổ đông chốt ngày 26/04/2021 đều có quyền đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Để chương trình Đại hội diễn ra tốt đẹp, đề nghị Quý cổ đông vui lòng xác nhận tham dự Đại hội qua điện thoại, email. Trong trường hợp Quý cổ đông không trực tiếp tới dự họp có thể ủy quyền cho người đại diện hoặc ủy quyền cho một trong số thành viên Hội đồng quản trị của Công ty *(Theo mẫu đính kèm)*.

Các cổ đông đăng ký tham dự họp tại phòng Hành chính trước 17 giờ 00 phút ngày 22/05/2021.

5. Hình thức đăng ký

Quý cổ đông công ty đăng ký tham dự qua điện thoại và email sau:

Điện thoại: 034 330 6736 (Ms Thanh) Email: cbtt.hva@gmail.com

Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền đến dự Đại hội vui lòng mang theo Thư mời, bản gốc CMND/CCCD/hộ chiếu hoặc bản sao GCN Đăng ký doanh nghiệp (nếu cổ đông là tổ chức) và bản gốc giấy đăng ký dự họp hoặc ủy quyền để đăng ký tư cách cổ đông tham dự.

Cổ đông tự lo mọi chi phí ăn, ở, đi lại khi tham dự Đại hội.

6. Tài liệu Đại hội

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và các mẫu Giấy đăng ký dự họp hoặc Ủy quyền tham dự được đăng tải trên website tại địa chỉ: https://hva.group.

Mời Quý cổ đông tham khảo tài liệu họp trên website kể từ ngày 03/05/2021.

Trân trọng kính mời Quý cổ đông!

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

LÊ HOÀI NAM

Scanned with CamScanner

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ DỰ HỌP HOẶC ỦY QUYỀN ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính gửi: Công ty cổ phần Đầu tư HVA

Tên cổ đông: .....

Người đại diện theo pháp luật *(đối với tổ chức)*: .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu/CNĐKDN:..... Ngày cấp:.....tại.....

Địa chỉ: ..... Điện thoại:.....

Tổng số cổ phần đại diện hoặc sở hữu:..... cổ phần

(Cổ đông chọn một trong hai mục dưới đây, đánh dấu (X) vào ô thích hợp)

1. ĐĂNG KÝ DỰ HỌP ☐

2. ỦY QUYỀN CHO ÔNG/BÀ DƯỚI ĐÂY ☐

Ông/bà: .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu:..... Ngày cấp:.....tại.....

Địa chỉ: ..... Điện thoại:.....

Số cổ phần ủy quyền:..... cổ phần

Lưu ý: Trong trường hợp cổ đông không thể tham dự hoặc không ủy quyền được cho người khác, quý cổ đông vui lòng ủy quyền cho thành viên HĐQT theo danh sách dưới đây:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tích chọn	Số CP ủy quyền
1	Ông Lê Hoài Nam	Chủ tịch HĐQT	☐	
2	Ông Vương Lê Vĩnh Nhân	Tổng Giám đốc – TV HĐQT	☐	
3	Ông Lê Văn An	Giám đốc tài chính – TV HĐQT	☐	

(Vui lòng đánh dấu (X) bên cạnh tên thành viên mà quý cổ đông chọn ủy quyền, chỉ chọn ủy quyền cho một người toàn bộ số cổ phần sở hữu)

Nội dung ủy quyền:

- Bên nhận ủy quyền được thay mặt cho bên ủy quyền tham dự và biểu quyết các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Đầu tư HVA để thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.
- Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư HVA và không có bất kỳ sự khiếu nại nào về sau.

***Lưu ý*:**

- Bên nhận ủy quyền không được ủy quyền số lượng cổ phần sở hữu của mình và/hoặc của bên ủy quyền cho người khác.

- Người nhận ủy quyền mang theo CMND/CCCD/Hộ chiếu hoặc bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy ủy quyền này khi đi dự họp.

- Giấy ủy quyền này chỉ có giá trị khi là giấy ủy quyền Bản chính và có chữ ký sống của hai bên, nếu bên ủy quyền hoặc bên nhận ủy quyền là tổ chức thì phải có chữ ký của đại diện pháp luật và dấu của tổ chức đó. Giấy ủy quyền này sẽ hết giá trị khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Đầu tư HVA kết thúc.

- Trường hợp Giấy ủy quyền để trống thông tin Tổng số cổ phần đại diện hoặc sở hữu, số cổ phần ủy quyền thì được coi là Bên ủy quyền ủy quyền toàn bộ số cổ phần đại diện hoặc sở hữu cho Bên nhận ủy quyền.

....., ngày ... tháng ... năm 2021

Cổ đông/Bên ủy quyền	**Bên nhận ủy quyền**
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)	*(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Scanned with CamScanner

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA
Địa chỉ: Số 81 Nguyễn Hiền, KDC91B, P. An Khánh, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Điện thoại: 02923.826.688 Fax:
Email: ceo@hva.group Website: https://hva.group/

Cần Thơ, ngày 29 tháng 04 năm 2021

DỰ THẢO CHƯƠNG TRÌNH
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Thời gian	Nội dung	Thực hiện
8h00 – 8h30	Đón tiếp cổ đông và khách mời	Ban kiểm tra tư cách cổ đông
	Đăng ký cổ đông tham dự Đại hội	
8h30 – 8h35	Ổn định tổ chức chuẩn bị Đại hội	Ban tổ chức
8h35 – 8h40	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông	Ban Kiểm tra tư cách cổ đông
	Tuyên bố lý do, thành phần tham dự	Đoàn chủ tịch
8h40 – 8h50	Giới thiệu và thông qua: - Thành phần Đoàn chủ tịch; - Ban thư ký Đại hội và Ban kiểm phiếu; - Quy chế làm việc của ĐHĐCĐ thường niên 2021; - Nguyên tắc phát biểu, thể lệ biểu quyết; - Quy chế bầu cử, ứng cử thành viên HĐQT;	Đoàn chủ tịch
	Thông qua chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	
8h50 – 9h50	Thông qua Báo cáo của HĐQT về các hoạt động của HĐQT và kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021	Đoàn chủ tịch
	Thông qua Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về kết quả kinh doanh của Công ty và kế hoạch kinh doanh năm 2021	Đoàn chủ tịch
	Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020	Đoàn chủ tịch
	Tờ trình thông qua quyết toán thù lao cho HĐQT năm 2020 và dự kiến kế hoạch năm 2021	Đoàn chủ tịch
	Tờ trình thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2021	Đoàn chủ tịch
	Tờ trình thông qua bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2024	Đoàn chủ tịch
	Tờ trình thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành	Đoàn chủ tịch
	Tờ trình thông qua việc cập nhật, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Công ty cho phù hợp với pháp luật hiện hành	Đoàn chủ tịch
	Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh và sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty	Đoàn chủ tịch
	Thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị	Đoàn chủ tịch
	Nội dung khác thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ	Đoàn chủ tịch
9h50 – 10h30	Bầu cử bổ sung, thay thế Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2024	Đoàn chủ tịch
	Đại hội tiến hành thảo luận	Đoàn chủ tịch
	Đại hội tiến hành biểu quyết	Đại hội
10h30 – 10h45	Nghỉ giải lao tại chỗ	Ban tổ chức
10h45 – 11h00	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết và bầu cử	Ban kiểm phiếu
11h00 – 11h15	Trình bày dự thảo Biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ	Ban thư ký
	Thông qua Biên bản và Nghị quyết của ĐHĐCĐ	Ban thư ký
11h15 – 11h20	Bế mạc Đại hội	Chủ tọa đại hội

Scanned with CamScanner

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ HVA

DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Đầu tư HVA;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐQT/HVA ngày 06/04/2021 của HĐQT Công ty về kế hoạch tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Để đại hội làm việc đạt kết quả cao, thực hiện theo chương trình kế hoạch và những quy định của Điều lệ hoạt động Công ty cổ phần Đầu tư HVA. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư HVA xây dựng quy chế làm việc của Đại hội với những nội dung cụ thể như sau:

Mục tiêu:

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng:

1. Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Đầu tư HVA (sau đây gọi tắt là "Công ty")

2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng:

Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại quy chế này.

CHƯƠNG II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 3. Thành phần tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021:

Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty trong danh sách cổ đông chốt ngày 26/04/2021

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông :

4.1. Quyền của các cổ đông khi tham dự Đại hội:

4.1.1. Tất cả các cổ đông của Công ty đều có quyền tham dự và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

4.1.2. Trường hợp không thể tham dự Đại hội, cổ đông có thể uỷ quyền cho người khác tham dự và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình. Việc uỷ quyền này phải được lập thành văn bản theo mẫu và đính kèm theo thư mời họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty;

4.1.3. Ngoài các tài liệu được phát trong Đại hội, mỗi cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông còn được phát 01 Phiếu biểu quyết, trên đó có ghi mã số cổ đông cùng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó nắm giữ hoặc được ủy quyền. Phiếu biểu quyết này được sử dụng khi Chủ tọa đề nghị biểu quyết thông qua các vấn đề đã được thảo luận và/hoặc xin ý kiến Đại hội;

Scanned with CamScanner

4.1.4. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng.

4.2. Nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông khi tham dự Đại hội:

4.2.1. Trang phục của cổ đông đến tham dự đại hội đảm bảo tính lịch sự, trang trọng;

4.2.2. Tham gia đầy đủ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Công ty. Trường hợp không đi được phải thực hiện ủy quyền cho người đại diện tham gia theo đúng quy định;

4.2.3. Các cổ đông hay đại diện cổ đông tới tham dự cuộc họp phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức Đại hội;

4.2.4. Tuân thủ các điều kiện và thể thức quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế này;

4.2.5. Nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội :

5.1. Chủ tọa là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc là người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền, giữ vai trò là người chủ trì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền phải là thành viên trong Hội đồng quản trị.

5.2. Chủ tọa Đại hội có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Điều khiển Đại hội thực hiện chương trình làm việc một cách hợp lệ, có trật tự.

b) Khi có những sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội cổ đông, Chủ tọa sẽ bàn bạc với những thành viên khác trong Ban Tổ chức (trước khi Đại hội bắt đầu), Đoàn chủ tịch (trong quá trình diễn ra Đại hội) để tìm ra cách thức giải quyết. Tuy nhiên, trong trường hợp có nhiều ý kiến khác nhau, ý kiến nào có sự ủng hộ của Chủ tọa sẽ mang tính quyết định;

c) Có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

d) Có quyền trì hoãn Đại hội đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ toạ quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội, nếu nhận thấy rằng:

- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn Chủ tịch :

6.1 Đoàn chủ tịch: Là thành viên Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty.

6.2 Nhiệm vụ của Đoàn chủ tịch:

- Là cơ quan cao nhất điều hành các công việc tại Đại hội;
- Hướng dẫn và giải đáp các thắc mắc của cổ đông về các vấn đề nêu ra trong nội dung chương trình đại hội;
- Điều hành và chủ trì việc biểu quyết thông qua các vấn đề được nêu trong đại hội theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ Công ty;

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Thư ký Đại hội :

7.1 Thư ký Đại hội đồng cổ đông do Đoàn chủ tịch chỉ định có nhiệm vụ hỗ trợ Đoàn chủ tịch điều hành Đại hội được thành công, ghi nhận và lập biên bản Đại hội đồng cổ đông;

7.2. Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác và đầy đủ của Biên bản họp Đại hội đồng cổ

Scanned with CamScanner

đông thường niên năm 2021;

7.3. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban Chủ tọa phân công trong thời gian Đại hội tạm nghỉ.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và Ban Kiểm phiếu :

8.1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Ban tổ chức đại hội thành lập, có trách nhiệm:

a) Lập danh sách cổ đông tham dự đại hội và niêm yết tại nơi diễn ra đại hội.
b) Thu và kiểm tra các giấy mời họp, giấy uỷ quyền tham dự đại hội.
c) Kiểm tra cổ đông đi dự có đầy đủ và đúng thành phần không.
d) Lập báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông để đọc trước đại hội.
e) Phát tài liệu họp và Phiếu biểu quyết cho các cổ đông trước khi vào hội trường.

8.2. Ban Kiểm phiếu có 2 thành viên do Đoàn chủ tịch Đại hội hoặc cổ đông đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Những người tham gia ban kiểm phiếu không đồng thời là Thư ký Đại hội. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm hướng dẫn thể lệ bầu cử, kiểm tra giám sát việc biểu quyết, tổ chức kiểm phiếu, lập Biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu trước đại hội, sau đó nộp Biên bản cho Chủ toạ đại hội.

8.3 Ban Kiểm phiếu phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của kết quả kiểm phiếu.

CHƯƠNG III
TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội :

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách cổ đông mời họp khi quyết định triệu tập Đại hội.

Điều 10. Cách thức tiến hành Đại hội

10.1 Đại hội dự kiến diễn tra trong ½ ngày.

10.2 Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại Chương trình Đại hội đồng cổ đông.

10.3 Trình tự tiến hành Đại hội *(theo Chương trình Đại hội).*

Điều 11. Thông qua Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

11.1. Các quyết định sau đây được Đại hội đồng cổ đông thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần từng loại;

b. Thay đổi ngành, nghề và và lĩnh vực kinh doanh;

c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

e. Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Các quyết định khác của Đại hội đồng cổ đông (Trừ trường hợp bầu thành viên HĐQT) phải được thông qua khi được số cổ đông có quyền biểu quyết sở hữu trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

3. Đối với việc bầu thành viên HĐQT: thì người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất đến khi đủ số thành viên theo quy định. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

Scanned with CamScanner

4. Các vấn đề liên quan đến thủ tục tổ chức, điều hành Đại hội đồng cổ đông: Quyết định của chủ tọa là quyết định cuối cùng và các cổ đông tham dự đều phải tuân theo.

Điều 12. Xử lý trường hợp tổ chức đại hội đồng cổ đông không thành

12.1. Trường hợp trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp mà cổ đông, đại diện biểu cổ đông không đủ tỷ lệ cần thiết để đại hội tiến hành quy định tại Điều 9 quy chế này thì đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày tổ chức đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất không thành.

12.2. Trong Đại hội đồng cổ đông thành lập triệu tập lại (Đại hội triệu tập lần thứ 2) cần có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty. Trường hợp đại hội lần thứ 2 không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp thì phải triệu tập đại hội lần thứ 3 trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần 2.

12.3. Trong đại hội lần thứ 3 bất kỳ số lượng cổ đông nào tham dự cũng đều hợp lệ và đều có quyền quyết định tất cả các vấn đề của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Điều 13. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021:

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 phải được Thư ký Đại hội lập thành biên bản. Biên bản cuộc họp được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ vào sổ biên bản của công ty.

CHƯƠNG IV
CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 14. Một số quy định khác :

14.1 Cổ đông tham dự đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội. Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của đại hội đã được thông qua. Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông;

14.2 Cổ đông sẽ bị Đoàn chủ tịch đại hội truất quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông khi cố tình không chấp hành các quy định của đại hội, có hành vi gây rối, làm mất trật tự hoặc có hành động gây ảnh hưởng trực tiếp đến công tác điều hành Đại hội.

CHƯƠNG VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Hiệu lực của Quy chế :

Quy chế này bao gồm 6 Chương, 15 Điều áp dụng cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Cổ đông dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Nếu Cổ đông vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể, Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư HVA.

Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 202 Công ty cổ phần Đầu tư HVA biểu quyết thông qua.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

LÊ HOÀI NAM

Scanned with CamScanner

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

NGUYÊN TẮC PHÁT BIỂU, THẺ LỆ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

A. NGUYÊN TẮC PHÁT BIỂU TẠI ĐẠI HỘI

I. Cổ đông muốn đề xuất một yêu cầu nào đó tại Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Tham gia đóng góp ý kiến trong phần thảo luận của Đại hội.
- Phải giơ tay xin ý kiến Chủ tọa và chỉ được phát biểu sau khi được Chủ tọa cho phép. Trong cùng một thời điểm chỉ có một cổ đông phát biểu.
- Trường hợp nhiều cổ đông có ý kiến cùng lúc thì Chủ tọa sẽ mời tuần tự từng cổ đông lên trình bày ý kiến của mình.
- Chủ tọa có quyền cắt ngang phần trình bày ý kiến của các cổ đông nếu thấy cần thiết.
- Các ý kiến đóng góp hoặc chất vấn sẽ được tập hợp cùng lúc và được giải đáp tuần tự.

II. Các đề xuất phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Ngắn gọn và rõ ràng. Trường hợp ý kiến đề xuất phức tạp, cần nhiều thời gian để trình bày thì cổ đông có thể gửi bằng văn bản đến Ban tổ chức 03 ngày làm việc trước kỳ diễn ra Đại hội.
- Không trình bày lại những vấn đề đã được đề cập trước.
- Nội dung đề xuất trong phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

B. NGUYÊN TẮC, THỂ LỆ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI

I. Nguyên tắc biểu quyết.

- Đúng Điều lệ, đúng luật và chính xác.
- Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông biểu quyết bằng cách bỏ phiếu biểu quyết theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Trường hợp biểu quyết thông qua Ban kiểm phiếu, Nội dung Đại hội sẽ được biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.
- Mỗi cổ đông có số cổ phần biểu quyết được tính bằng số cổ phần mà người đó sở hữu hoặc được ủy quyền.
- Phiếu biểu quyết chỉ có giá trị nếu phiếu đó hợp lệ theo quy định.
- Kết quả biểu quyết được tính theo tỷ lệ % giữa tổng số cổ phần của các phiếu biểu quyết hợp lệ trên tổng số cổ phần của tất cả các cổ đông dự họp.

II. Cách thức biểu quyết.

1. Quy định chung

- Biểu quyết thông qua các báo cáo, tờ trình, Nghị quyết của Đại hội cổ đông được tiến hành công khai, trực tiếp theo sự điều hành của Đoàn Chủ tịch Đại hội và chỉ sử dụng các phiếu biểu quyết do Ban tổ chức Đại hội phát hành. Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông (sau đây gọi tắt là cổ đông) có quyền biểu quyết tham dự Đại hội đồng cổ đông sẽ được phát 01 Phiếu biểu quyết thông qua các nội dung được trình bày tại Đại hội.
- Phiếu biểu quyết được thu bởi các thành viên của Ban kiểm phiếu và được kiểm phiếu, lập biên

Scanned with CamScanner

bản ngay sau khi thu.

- Thông tin in trên Phiếu biểu quyết:
  - Họ và tên cổ đông, hoặc người đại diện ủy quyền của cổ đông.
  - Số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu: là tổng số cổ phần có quyền biểu quyết do cổ đông đại diện.
  - Số cổ phần nhận ủy quyền: là tổng số cổ phần được cổ đông ủy quyền
  - Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
  - Nội dung biểu quyết.
  - Dấu treo của Công ty cổ phần Đầu tư HVA.
- Phân loại Phiếu biểu quyết.
  - Phiếu biểu quyết hợp lệ: là Phiếu in sẵn theo mẫu do Ban tổ chức Đại hội phát, có đóng dấu treo của Công ty, Phiếu không bị rách, rời, không bị tẩy xóa, cạo, sửa chữa và có đánh dấu biểu quyết theo đúng quy định trên Phiếu biểu quyết.
  - Phiếu biểu quyết không hợp lệ: là Phiếu không đúng theo quy định của Phiếu hợp lệ.

2. Cách thức biểu quyết.

2.1. Biểu quyết thông qua các báo cáo, tờ trình (trừ việc bầu thành viên HĐQT)

- Nếu tán thành vấn đề yêu cầu biểu quyết thì cổ đông đánh dấu nhân (X) vào cột (1) và phải bỏ trống toàn bộ cột (2) (3)
- Nếu không tán thành vấn đề yêu cầu biểu quyết thì cổ đông đánh dấu nhân (X) vào cột (2) và phải bỏ trống toàn bộ cột (1) (3)
- Nếu không có ý kiến về vấn đề yêu cầu biểu quyết thì cổ đông đánh dấu nhân (X) vào cột (3) và phải bỏ trống toàn bộ cột (1) (2)

- Các vấn đề đưa ra biểu quyết, mỗi cổ đông chỉ sử dụng một Phiếu biểu quyết duy nhất mà trên Phiếu đã ghi rõ các nội dung cần biểu quyết tại Đại hội.
- Chọn một trong ba ý kiến biểu quyết: **Tán thành, Không tán thành** hoặc **Không có ý kiến**.

2.2 Đối với việc bầu thành viên Hội đồng quản trị được tiến hành theo hình thức bầu dồn phiếu. Cụ thể:

VD1: Một cổ đông có số cổ phần đại diện là: 4.000 cổ phần . Số thành viên HĐQT cần bầu là 2 thành viên.

→ Số quyền bầu Hội đồng quản trị của cổ đông là: 2 x 4.000 = 4.000 quyền

Danh sách ứng cử viên vào Hội đồng quản trị là 02 người A, B. Cổ đông có thể bầu:

Cho ông A : 4.000 quyền
Cho ông B : 0 quyền
Tổng là: 4.000 quyền

Hoặc có thể bầu cho cả 2 ứng viên:

Cho ông A : 2.000 quyền
Cho ông B : 2.000 quyền
Tổng là: 4.000 quyền

3. Tổng hợp kết quả.

- Trưởng ban kiểm phiếu có trách nhiệm thông báo kết quả biểu quyết cho Đại hội đối với từng vấn đề biểu quyết.

Scanned with CamScanner

- Kết quả biểu quyết phải được ghi vào Biên bản Đại hội đồng cổ đông.

III. Thông qua kết quả biểu quyết.

1. Các quyết định sau đây được Đại hội đồng cổ đông thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần từng loại;

b. Thay đổi ngành, nghề và và lĩnh vực kinh doanh;

c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

e. Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Các quyết định khác của Đại hội đồng cổ đông (Trừ trường hợp bầu thành viên HĐQT) phải được thông qua khi được số cổ đông có quyền biểu quyết sở hữu trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.
3. Đối với việc bầu thành viên HĐQT: thì người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất đến khi đủ số thành viên theo quy định. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng phiếu bầu như nhau chỗ thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.
4. Các vấn đề liên quan đến thủ tục tổ chức, điều hành Đại hội đồng cổ đông: quyết định của chủ tọa là quyết định cuối cùng và các cổ đông tham dự đều phải tuân theo.

IV. Hiệu lực.

Cổ đông dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh nguyên tắc phát biểu, thể lệ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Nguyên tắc này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 202 Công ty cổ phần Đầu tư HVA biểu quyết thông qua.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

LÊ HOÀI NAM

Scanned with CamScanner

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ HVA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

QUY CHẾ BẦU CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2020 – 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

DỰ THẢO

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư HVA.*

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021(ĐHĐCĐ) của Công ty Cổ phần Đầu tư HVA quy định Quy chế bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) nhiệm kỳ 2020 – 2024 như sau:

Điều 1. Đối tượng thực hiện bầu cử

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết *(theo danh sách cổ đông chốt ngày 26/04/2021)*

Điều 2. Nguyên tắc bầu cử

1. Bầu cử đúng luật, đúng Điều lệ hiện hành của công ty, đảm bảo dân chủ và quyền lợi hợp pháp của các cổ đông.

2. Bầu cử công khai bằng hình thức bỏ phiếu kín. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên HĐQT được bầu bổ sung. Cổ đông có quyền dồn hết toàn bộ hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên HĐQT.

Điều 3. Trách nhiệm của Đoàn Chủ tọa

Chủ tọa Đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử này với những việc cụ thể:

- Đăng tải quy chế đề cử, ứng cử thành viên HĐQT cùng bộ tài liệu Đại hội lên website của Công ty. Quy chế đề cử, ứng cử được xây dựng dựa trên Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Giới thiệu danh sách ứng cử viên HĐQT đủ tiêu chuẩn.
- Trình Đại hội thông quan Ban kiểm phiếu và Trưởng ban kiểm phiếu.
- Giám sát việc biểu quyết, kiểm phiếu.
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có).

Điều 4. Số lượng và tiêu chuẩn thành viên HĐQT được bầu bổ sung

4.1. số lượng thành viên HĐQT được bầu bổ sung

- Số lượng thành viên HĐQT được bầu : 02 người
- Nhiệm kỳ thành viên HĐQT : 2020 – 2024
- Số lượng ứng cử viên HĐQT tối đa : Không hạn chế

4.2. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT

a. Thành viên HĐQT

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp 2020.
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.

- Thành viên HĐQT có thể đồng thời là thành viên HĐQT của tối đa 05 công ty khác.

b. Thành viên độc lập HĐQT

- Có đầy đủ các điều kiện của một thành viên HĐQT
- Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.
- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định.
- Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty.
- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty và không phải là người có liên quan đến cổ đông lớn của công ty.
- Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó..

Điều 5. Điều kiện đề cử thành viên HĐQT:

a) Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau thành nhóm cổ đông để đề cử ứng viên.

Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử các ứng viên vào Hội đồng quản trị theo quy định sau:

- Nắm giữ từ 10% đến dưới 15% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử số lượng ứng viên tương đương với 1/5 tổng số lượng thành viên Hội đồng quản trị được bầu đảm bảo ít nhất là một (01) ứng viên;
- Nắm giữ từ 15% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa hai (02) ứng viên hoặc tối đa số lượng ứng viên tương đương với 2/5 tổng số lượng thành viên Hội đồng Quản trị được bầu;
- Nắm giữ từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa ba (03) ứng viên hoặc tối đa số lượng ứng viên tương đương với 3/5 tổng số lượng thành viên Hội đồng Quản trị được bầu;
- Nắm giữ từ 50% đến dưới 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa bốn (04) ứng viên hoặc tối đa số lượng ứng viên tương đương với 4/5 tổng số lượng thành viên Hội đồng Quản trị được bầu;
- Nắm giữ từ 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên có quyền đề cử tối đa đủ số lượng ứng viên tương đương với 100% số lượng thành viên Hội đồng Quản trị được bầu.

b) Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng viên mà họ được quyền đề cử, số ứng viên còn lại do HĐQT hoặc các cổ đông khác đề cử.

c) Người trúng cử chức danh Thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu tư ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo quy định tại Điều này. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau thì Đại hội đồng cổ đông sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 6. Hồ sơ tham gia đề ứng cử, đề cử thành viên HĐQT

6.1. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu thành viên HĐQT bao gồm:

- Thư đề cử, ứng cử vào chức danh thành viên HĐQT (theo mẫu);
- Bản cung cấp thông tin (theo mẫu, có dán ảnh);
- Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/Hộ chiếu;
- Bản sao hợp lệ các văn bằng, chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn;
- Giấy ủy quyền và/hoặc Biên bản họp nhóm (nếu ứng cử viên được nhóm ủy quyền ứng cử) và tài liệu xác thực chữ ký của cổ đông, nhóm cổ đông.

6.2. Hồ sơ ứng cử, đề cử (bản gốc) phải được gửi tới Công ty cổ phần Đầu tư HVA trước 16h30' ngày 22/05/2021 theo địa chỉ sau:

- CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

- Địa chỉ: Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, Phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành Phố Cần Thơ, Việt Nam.

Điện thoại: 02923.826.688 Email: cbtt.hva@gmail.com

Để đảm bảo việc đề cử, ứng cử không bị chậm trễ cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thể gửi bản scan qua mail trước khi gửi bản cứng.

Quý cổ đông vui lòng điện thoại xác nhận đã gửi hồ sơ cho Phòng Hành chính nhân sự – Điện thoại: 0343306736 (Thanh). Mọi trường hợp nộp muộn hoặc bị thất lạc, nếu Công ty không được thông báo xác nhận thì các hồ sơ nộp muộn này không có giá trị.

Quý cổ đông có thể truy cập trang thông tin điện tử theo địa chỉ: http://hva.group để cập nhật các mẫu đính kèm Thông báo (Thư ứng cử, Thư đề cử, biên bản họp nhóm, sơ yếu lý lịch) và để biết thêm chi tiết về việc đề cử, ứng cử để bầu bổ sung Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2024.

Điều 7. Lựa chọn các ứng viên

- Dựa vào Thư ứng cử và Thư đề cử của các cổ đông/ nhóm cổ đông, Ban tổ chức Đại hội cổ đông của Công ty sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện như quy định trình ĐHĐCĐ để bầu bổ sung các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2024. Chỉ những hồ sơ đề cử/ ứng cử đáp ứng đủ điều kiện đề cử/ ứng cử và những ứng viên đáp ứng đủ điều kiện tương ứng của thành viên HĐQT mới được đưa vào danh sách ứng cử viên công bố tại Đại hội.
- Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị nội bộ của Công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Ban kiểm phiếu

Ban Kiểm phiếu do Ban tổ chức đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm:

- Thông qua Quy chế bầu cử;
- Phát phiếu bầu và hướng dẫn cách thức ghi phiếu bầu;
- Tiến hành kiểm phiếu;
- Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội;
- Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Hội đồng quản trị.

Điều 9. Phiếu bầu và cách ghi phiếu bầu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

a. Phiếu bầu và cách ghi phiếu bầu

Phiếu bầu cử Hội đồng quản trị:

- Phiếu bầu cử được in thống nhất, trên phiếu có mã cổ đông, tổng số lượng cổ phần đại diện (bao gồm cả số lượng cổ phần sở hữu và số lượng cổ phần nhận ủy quyền), tổng số lượng phiếu bầu và có đóng dấu treo của Công ty;
- Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền được phát đồng thời 01 phiếu bầu thành viên HĐQT;
- Trường hợp ghi sai và có nhu cầu đổi phiếu, cổ đông phải đề nghị Ban kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác trước khi thùng phiếu bị niêm phong.

Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ:

- Phiếu không theo mẫu quy định, phiếu không do Ban kiểm phiếu phát ra, không có dấu của Công ty;
- Phiếu bầu cho nhiều người hơn số lượng đã được quy định;
- Ghi nội dung trên phiếu bầu bằng viết chì;
- Phiếu gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên HĐQT đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên vượt quá tổng số phiếu bầu mà cổ đông đó có quyền biểu quyết;
- Phiếu bầu có số ứng viên được bầu vượt quá số lượng ứng viên bầu bổ sung đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua;
- Phiếu không có chữ ký của cổ đông/đại diện cổ đông;
- Phiếu nộp sau khi Ban kiểm phiếu đã mở niêm phong thùng phiếu;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của ĐHĐCĐ.

Cách ghi phiếu bầu như sau:

- Cổ đông bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên trúng cử;
- Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên: Cổ đông đánh dấu "X" hoặc "✓" vào ô "Bầu dồn đều phiếu" của các ứng viên tương ứng.
- Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên: Cổ đông ghi rõ số phiếu bầu vào ô "Số phiếu bầu" của các ứng viên tương ứng.
- Lưu ý: Trong trường hợp Cổ đông vừa đánh dấu vào ô "Bầu dồn đều phiếu" vừa ghi số lượng ở ô "Số phiếu bầu" thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô "Số phiếu bầu".

b. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

- Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu vào thùng phiếu;
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;
- Kết quả kiểm phiếu phải được lập thành văn bản và được Trưởng ban kiểm phiếu công bố tại Đại hội;
- Các phiếu bầu sau khi đã kiểm được lưu giữ tại trụ sở Công ty.

Điều 10. Phương thức bầu cử, nguyên tắc trúng cử

a. Phương thức bầu cử

- Việc bầu thành viên HĐQT phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu:

- Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm số cổ phần sở hữu và số cổ phần được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của HĐQT.
- Cổ đông có thể dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu cho một người hoặc một số người, nhưng không quá số thành viên đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

- Phương thức bầu thành viên HĐQT sẽ được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

b. Nguyên tắc trúng cử

- Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì Đại hội sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

Điều 11. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

- Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu.
- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

- Quy chế này gồm có 12 Điều và được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông để biểu quyết thông qua. Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Trên đây là toàn bộ Quy chế bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 – 2024 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư HVA.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

LÊ HOÀI NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 01/2021/BC-HĐQT	*Hà Nội, ngày 03 tháng 05 năm 2021*

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

Kính thưa toàn thể Quý cổ đông,

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư HVA;

- Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2020 của công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Hội đồng quản trị xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 về các hoạt động của HĐQT, kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

1. Về kết quả thực hiện chiến lược và kế hoạch kinh doanh đề ra cho năm 2020

Năm 2020, Công ty vừa trải qua một giai đoạn khó khăn là tái cơ cấu lại toàn bộ công ty. Do đó tình hình kinh doanh cũng phần nào bị ảnh hưởng. Tuy nhiên, Công ty đã rất nỗ lực để cải tiến kinh doanh, kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 như sau:

- Công ty tiếp tục cung cấp dịch vụ bao gồm tư vấn quản trị chiến lược doanh nghiệp, tư vấn mua bán hợp nhất và sáp nhập doanh nghiệp, các dịch vụ thị trường vốn, dịch vụ định mức tín nhiệm và hợp tác đầu tư các dự án công nghệ. Doanh thu thuần năm 2020: 103.424.755.595 đồng, đạt 172,37% so với kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông năm 2020.
- Ngoài ra, Công ty cũng tái cơ cấu loại các khoản đầu tư tài chính, với lợi thế nền tảng công nghệ sẵn có, năm 2020 HVA quyết định chuyển hướng đầu tư sang Công nghệ thông tin thông qua việc cung cấp giải pháp công nghệ cho doanh nghiệp, đặc biệt các doanh nghiệp bất động sản và các công ty thương mại khác…
- Nhờ có định hướng chiến lược rõ ràng mà năm 2020, HVA thu về lợi nhuận tốt hơn so với năm 2019, lợi nhuận sau thế năm 2020 đạt 3.163.243.122 đồng, đạt 52,72% so với kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông năm 2020.
- Mặt khác, Công ty đã đạt được một số thành tích thu hồi công nợ khó đòi, cụ thể Công ty đã thu hồi được 1,7 tỷ công nợ cũ, khó đòi, đã trích lập dự phòng qua các thời kỳ.

2. Về công tác giám sát và đánh giá Ban Tổng giám đốc

- HĐQT thực hiện việc giám sát định kỳ và thường xuyên đối với Ban Tổng giám đốc thông qua trao đổi, thảo luận, chất vấn tại các cuộc họp trực tiếp hoặc trực tuyến, thông qua thư điện tử, điện thoại về tình hình triển khai thực hiện các kế hoạch kinh doanh, kế hoạch quản trị doanh nghiệp đã được ĐHĐCĐ phê chuẩn và việc triển khai các nghị quyết của HĐQT;

- Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết của HĐQT, cơ bản hoàn thành tốt các kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính đã đề ra, đồng thời đã tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ và các Quy chế hoạt động của Công ty;
- Hệ thống báo cáo tài chính quý, 6 tháng và cả năm được lập và công bố phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật hiện hành;
- Hệ thống báo cáo quản trị được lập đầy đủ, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và hiệu quả quản trị;
- Ban Tổng Giám đốc đã tích cực cùng các đơn vị tư vấn pháp lý giải quyết các vấn đề pháp lý của công ty. Tuy còn gặp phải nhiều khó khăn khách quan, đòi hỏi nhiều thời gian và công sức, nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc được HĐQT ghi nhận và đánh giá cao;
- Ban Tổng Giám đốc đã đề xuất kiện toàn bộ máy quản lý cho HĐQT, đồng thời xây dựng đội ngũ nhân sự đáp ứng tốt yêu cầu kinh doanh, thực hiện tốt công tác đánh giá, đãi ngộ nhân viên công khai, minh bạch, công bằng, hợp lý, cạnh tranh;
- Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đều sở hữu năng lực và kỹ năng quản lý cấp cao và không ngừng trau dồi, hoàn thiện thêm.

3. Hoạt động của HĐQT

3.1. Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã họp và thông qua các Nghị quyết sau:

Stt	Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1.	2105/2020/NQ-HĐQT	21/05/2020	Thoái vốn đầu tư tại Công ty cổ phần Thạch Thành Xuân	100%
2.	2505/2020/NQ-HĐQT/HVA	25/05/2020	Triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020	100%
3.	0506/2020/NQ-HĐQT	05/06/2020	Thoái vốn đầu tư tại Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư MCC (Trước kia là Công ty cổ phần Phát triển xây dựng 199)	100%
4.	2207/2020/NQ-HĐQT	22/07/2020	Thông qua chủ trương đầu tư vốn vào Công ty cổ phần TrustCard	100%
5.	2808/2020/NQ-HĐQT	28/08/2020	Thoái vốn tại Công ty cổ phần Phát triển và Đầu tư Nông nghiệp Hasoco	100%
6.	0110/2020/NQ-HĐQT	01/10/2020	Thay đổi kế toán trưởng. Bổ nhiệm bà Phạm Thu Lương làm Kế Toán trưởng kể từ ngày 01/10/2020	100%
7.	2710/2020/NQ-HĐQT/HVA	27/10/2020	Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2020	100%
8.	1105/2020/NQ-HĐQT	05/11/2020	Đầu tư góp vốn chi phối Công ty cổ phần Citipass	100%
9.	2411/2020/NQ-HĐQT	24/11/2020	Thoái một phần vốn góp tại Công	100%

			ty cổ phần TrustCard	
10.	2711/2020/NQ-HĐQT	27/11/2020	Đầu tư thêm vốn góp vào Công ty cổ phần Citipass	100%
11.	1201/2020/NQ-HĐQT	01/12/2020	Hủy cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2020	100%
12.	2112/2020/NQ-HĐQT	21/12/2020	Thoái toàn bộ phần vốn góp tại Công ty cổ phần TrustCard	100%

3.2. Hoạt động của Tiểu ban Kiểm toán nội bộ: Trong năm, Tiểu ban Kiểm toán nội bộ giúp HĐQT kiểm soát tất cả các hoạt động của Công ty trong phạm vi thẩm quyền của HĐQT như kiểm soát chất lượng sản phẩm, dịch vụ và hoạt động sản xuất kinh doanh, của Công ty. Đảm bảo mục tiêu một cách độc lập và các hoạt động tư vấn để làm tăng giá trị và cải thiện các hoạt động kinh doanh của Công ty. Bảo vệ giá trị cho Công ty, giám sát các hoạt động của công ty trong việc tuân thủ các quy định pháp luật, đạo đức kinh doanh. Phát hiện ra những sai sót trong hoạt động kinh doanh của Công ty; tham mưu cho HĐQT định hướng chiến lược, chỉ đạo, hướng dẫn và giám sát Ban Tổng Giám đốc thực hiện; kiểm soát rủi ro, cải tiến những điểm yếu từ hệ thống quản lý về quản trị doanh nghiệp; kiểm tra, giám sát quy trình hoạt động của các phòng ban trong bộ máy kinh doanh, giúp công ty hoạt động năng suất và hiệu quả hơn.

3.3. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập: Các thành viên HĐQT độc lập đã đưa ra các ý kiến xác thực, có chuyên môn, thể hiện kiến thức, năng lực và kinh nghiệm của mình.

II. PHƯƠNG HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

HĐQT đặt ra kế hoạch kinh doanh năm 2021 như sau:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Kế hoạch
Doanh thu thuần	200.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế	10.000.000.000

HĐQT sẽ chỉ đạo thực hiện các công việc sau:

- Hướng tới trở thành đối tác tin cậy cung cấp các dịch vụ tư vấn quản trị chiến lược doanh nghiệp, tư vấn mua bán hợp nhất và sáp nhập doanh nghiệp, các dịch vụ thị trường vốn, dịch vụ định mức tín nhiệm và hợp tác đầu tư các dự án công nghệ;
- Tiếp tục xây dựng bộ máy hoạt động tinh gọn, hiệu quả; hoàn thiện các quy chế, quy trình; hướng đến tự động hóa việc thực hiện quy trình, quản lý và hoạch định nguồn lực;
- Tăng cường đào tạo năng lực chuyên môn, kỹ năng; chăm lo đảm bảo ổn định và nâng cao đời sống cho người lao động; xây dựng văn hóa Công ty.
- Xử lý dứt điểm các tồn đọng về tài chính, công nợ, pháp lý.

Trên đây là toàn bộ báo cáo của HĐQT về các hoạt động trong năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021. Kính trình Đại hội cổ đông xem xét, thông qua.

III. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2020 VÀ ĐỀ XUẤT KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2021

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020:

Theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020, mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty cho năm tài chính 2020 là 3.163.243.122 đồng. Với mức lợi nhuận này, hiện tại Công ty vẫn đang lỗ lũy kế và chưa đáp ứng đủ điều kiện để chi trả cổ tức cho cổ đông Công ty theo quy định tại Điều 135 Luật doanh nghiệp 2020: *"Công ty cổ phần chỉ được chi trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty"*.

2. Đề xuất kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021

Năm 2021 Công ty sẽ tiếp tục duy trì sự tăng trưởng ổn định, tuy nhiên, các khoản lỗ được kết chuyển từ các năm trước chuyển sang rất lớn, nên dự kiến năm 2021 Công ty sẽ không thực hiện chi trả cổ tức nếu vẫn còn lỗ lũy kế.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

LÊ HOÀI NAM

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *HĐQT; Ban TGĐ;*
- *Lưu VP.*

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ HVA
Số: 02/2021/BC-BTGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 03 tháng 05 năm 2021

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

Kính thưa toàn thể Quý cổ đông,

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng Giám đốc được quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư HVA;

- Căn cứ báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty cổ phần Đầu tư HVA đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc xin báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 về công tác điều hành, kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2020:

Trong năm 2020, HVA tập trung vào tái cơ cấu lại các khoản đầu tư tài chính và xử lý, thu hồi các khoản công nợ còn tồn đọng của công ty. Ban Tổng Giám đốc và toàn thể nhân viên Công ty đã nỗ lực thực hiện kế hoạch kinh doanh của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 và chỉ đạo của Hội đồng quản trị, đạt 172,37% chỉ tiêu doanh thu hợp thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ và 52,72% chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế. Ban Tổng Giám đốc báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 như sau:

1. Tài chính:

Tình hình tài chính năm 2020 (Bảng 1) có sự tăng trưởng rõ rệt so với năm 2019. Cụ thể, doanh thu thuần đạt 103,4 tỷ, tăng 99% so với năm 2019; lợi nhuận sau thuế đạt 3,1 tỷ, tăng 75% so với năm 2019. Lợi nhuận biến động chủ yếu do Công ty đã thay đổi chiến lược kinh doanh, bổ sung ngành nghề để mở rộng lĩnh vực kinh doanh của Công ty. Đồng thời, năm 2020 công ty HVA đã thu hồi được các khoản nợ phải thu khó đòi từ nhiều năm trước. Các chỉ số tài chính năm 2020 khả quan và an toàn (cụ thể tại Bảng 2).

Bảng 1. Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	Năm		% tăng giảm
		2019	2020	
1	Doanh thu thuần	650.000.000	103.424.755.595	99%
2	Lợi nhuận trước thuế	-790.748.124	3.163.243.122	75%
3	Lợi nhuận sau thuế	-790.748.124	3.163.243.122	75%
4	Tổng tài sản	67.845.073.333	63.351.316.455	-7%
5	Tổng nợ phải trả	11.844.866.704	4.187.866.704	-183%
6	Vốn chủ sở hữu	56.000.206.629	59.163.449.751	5%

Bảng 2. Các chỉ tiêu tài chính

STT	Chỉ tiêu	Năm	
		2019	2020
1	*1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán*		
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	14,02	12,9
	Hệ số thanh toán nhanh	14,64	12,97
2	*2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn*		
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	17,45	6,61
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	21	7,47
3	*3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động*		
	Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn bán hàng/Hàng tồn kho bình quân		
	Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,01	1,63
4	*4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời*		
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-121,65	3
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-1,41	5,65
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-1,16	4,99
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-160	2,86

2. Kinh doanh:

Hoạt động kinh doanh năm 2020 của Công ty cụ thể như sau: Trong năm 2020, HVA tiếp tục phát triển các ngành, nghề kinh doanh sẵn có như Tư vấn quản trị Doanh nghiệp, Dịch vụ ngân hàng và đầu tư, đặc biệt là phát triển mạnh mẽ trong lĩnh vực đầu tư tài chính và công nghệ số. Cụ thể, Công ty tái cấu trúc lại toàn bộ khoản đầu tư không hiệu quả như thoái vốn tại Công ty cổ phần Thạch Thành Xuân, Công ty cổ phần phát triển và đầu tư nông nghiệp Hasaco, Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư MCC để chuyển hướng sang đầu tư trong lĩnh vực Công nghệ thông tin. Cùng với nền tảng công nghệ sẵn có thì hoạt động kinh doanh năm 2020 của HVA đã có nhiều sự đột phá.

3. Giải quyết các vấn đề tồn đọng về pháp lý và công nợ:

- Công ty đã tích cực cùng các đơn vị tư vấn pháp lý thực hiện các công việc rà soát, nghiên cứu hồ sơ, liên hệ, đàm phán với các bên liên quan, cân nhắc khởi kiện nếu cần thiết;
- Công ty hiện đã thu hồi thêm 1,7 tỷ công nợ cũ, khó đòi, đã trích lập dự phòng qua các thời kỳ.

II. PHƯƠNG HƯỚNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2021

1. Về hoạt động kinh doanh

Năm 2020, tình hình hoạt động kinh doanh của HVA có chuyển biến rõ rệt, vượt xa so với kế hoạch được Ban lãnh đạo đề ra. Năm 2021, Công ty tiếp tục tập trung thực hiện kế hoạch dài hạn của Công ty là "cung cấp giải pháp công nghệ cho doanh nghiệp, đặc biệt các doanh nghiệp bất động sản và các công ty thương mại khác" trên nền tảng công nghệ sẵn có. Bên cạnh chiến lược và định hướng dài hạn, Công ty vẫn duy trì các hoạt động thương mại và cung cấp các dịch vụ công nghệ để

đem lại doanh thu và lợi nhuận duy trì bộ máy hoạt động của Công ty. Căn cứ tình hình đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2021 với doanh thu là 200 tỷ và lợi nhuận sau thuế là 10 tỷ đồng.

2. Giải pháp thực hiện

- Tuyển dụng thêm các nhân sự cấp cao nhằm tạo ra bước đột phá mới trong công tác quản lý kinh doanh. Đào tạo và thu hút nguồn nhân lực trẻ, được đào tạo bài bản để bổ sung cho các hoạt động kinh doanh của HVA.
- Căn cứ vào kế hoạch tổng thể đã được xây dựng, Ban Tổng Giám đốc giao cho các bộ phận nghiệp vụ xây dựng và đưa ra phương án thực hiện. Ban lãnh đạo sẽ trực tiếp giám sát và hỗ trợ với các Phòng/Ban, đơn vị để tháo gỡ.
- Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh, coi đây là công cụ cạnh tranh vượt trội của HVA.
- Xây dựng kế hoạch marketing bài bản, kết hợp với các chuyên gia marketing qua hoạt động marketing thúc đẩy hoạt động của HVA và các đơn vị thành viên.
- Về công tác đầu tư: Công ty sẽ thực hiện đẩy mạnh mảng cung cấp dịch vụ công nghệ cho các doanh nghiệp bất động sản và các doanh nghiệp thương mại khác.
- Tập trung triển khai các phương án kinh doanh đã được HĐQT phê duyệt. Kiện toàn bộ máy tổ chức, tách bạch công tác quản trị, bổ dung thêm nhân sự chất lượng cho các phòng/ban. Đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ cho CBNV nhằm đáp ứng nhiệm vụ được giao.

Trên đây là toàn bộ báo cáo của Ban Giám đốc về kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2020 và phương hướng, kế hoạch kinh doanh năm 2021. Kính trình Đại hội cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- *Đại hội đồng cổ đông;*
- *HĐQT, BTGĐ;*
- *Lưu VT.*

T/M. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

VƯƠNG LÊ VĨNH NHÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ HVA
Số: 01/2021/TTr-HVA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 03 tháng 05 năm 2021

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

V/v Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020

Kính gửi: **Quý Cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư HVA**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư HVA;

- Căn cứ Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2020 của Công ty cổ phần Đầu tư HVA.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam của Công ty cổ phần Đầu tư HVA.

Báo cáo tài chính năm 2020 đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải trên website của Công ty (https://hva.group/), bao gồm:

1. Báo cáo kiểm toán độc lập
2. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12.
3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm báo cáo
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
5. Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trong đó có một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2020:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (VNĐ)
1	Tổng tài sản	63.351.316.455
2	Vốn chủ sở hữu	59.163.449.751
	Trong đó	
2.1	Vốn góp của chủ sở hữu	56.500.000.000
2.2	Thặng dư vốn	-106.363.636
2.3	Quỹ đầu tư phát triển	0
2.4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.769.813.387
3	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	103.424.755.595
4	Doanh thu hoạt động tài chính	273.693
5	Chi phí bán hàng	0
6	Chi phí hoạt động tài chính	-917.050.079
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	-1.514.763.755
8	Thu nhập khác	200.000.000
9	Chi phí khác	6.377

10	Lợi nhuận khác	199.993.623
11	Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.163.243.122
12	Lợi nhuận sau thuế TNDN	3.163.243.122

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.
Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT, Ban TGĐ;
- Lưu Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

LÊ HOÀI NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 02/2021/TTr-HĐQT-HVA	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	Hà Nội, ngày 03 tháng 05 năm 2021

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

V/v: Thông qua quyết toán thù lao cho HĐQT năm 2020 và dự kiến kế hoạch năm 2021

***Kính gửi*: Các Quý vị cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư HVA**

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư HVA.*

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư HVA kính trình Đại hội đồng cổ đông kết quả chi trả thù lao cho HĐQT năm 2020 và kế hoạch chi trả thù lao cho HĐQT năm 2021 như sau:

1. Kết quả chi trả thù lao cho HĐQT năm 2020 như sau:

Năm 2020, Công ty vẫn tập trung tái cấu trúc và xử lý các vấn đề tài chính còn tồn đọng đồng thời đẩy mạnh hoạt động kinh doanh mang lại lợi nhuận cho Công ty và các cổ đông. Do đó Hội đồng quản trị xin không nhận thù lao năm 2020.

2. Đề xuất thù lao cho HĐQT năm 2021 như sau:

Căn cứ kế hoạch kinh doanh dự kiến năm 2021, kính trình ĐHĐCĐ thông qua mức thù lao năm 2021 như sau:

STT	Nội dung	Tổng thù lao (đồng/01 người)	
		01 tháng	01 năm
1	Chủ tịch HĐQT	5.000.000	60.000.000
2	Thành viên HĐQT	3.000.000	36.000.000

3. Phương án thưởng cho HĐQT và Ban Tổng Giám đốc năm 2021

HĐQT, Ban Tổng Giám đốc được thưởng tối đa 20% phần lợi nhuận sau thuế phần vượt kế hoạch. Đại hội đồng cổ đông Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định mức thưởng cụ thể cho HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và sẽ thông báo đến Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Kính trình Đại hội hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua./

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

LÊ HOÀI NAM

Nơi nhận:
- *Như kính gửi;*
- *HĐQT, Ban TGĐ;*
- *Lưu VP.*

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 03/2021/TTr - HĐQT/HVA	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
	Hà Nội, ngày 03 tháng 05 năm 2021

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
V/v Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán cho năm tài chính 2021

Kính gửi: **Quý Cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư HVA**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư HVA.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư HVA kính trình Đại hội đồng cổ đông lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 với các tiêu chí như sau:

- Đơn vị kiểm toán được chọn phải đáp ứng đủ điều kiện thực hiện kiểm toán cho các Công ty đại chúng theo quy định tại Thông tư số 183/2013/TT-BTC ngày 04/12/2013 của Bộ Tài chính và thuộc danh sách các đơn vị kiểm toán được UBCKNN chấp thuận đến thời điểm ký hợp đồng kiểm toán.
- Đơn vị kiểm toán phải đáp ứng được các yêu cầu về tiến độ kiểm toán và có mức phí cạnh tranh.

Từ các tiêu chí trên, Hội đồng quản trị xin đề xuất ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một đơn vị khác trong danh sách các đơn vị kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán cho doanh nghiệp đại chúng. Việc lựa chọn đơn vị kiểm toán, Công ty cổ phần Đầu tư HVA sẽ thực hiện công bố thông tin khi ký hợp đồng kiểm toán.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

LÊ HOÀI NAM

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT, Ban TGĐ;
- Lưu Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 04/2021/TTr-HĐQT/HVA	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
	Hà Nội, ngày 03 tháng 05 năm 2021

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

V/v Bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2024

Kính gửi: **Quý Cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư HVA**

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư HVA;*

Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Hội đồng quản trị (HĐQT) công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/5 thành viên tổng số thành viên HĐQT là thành viên độc lập, do đó HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư HVA kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 về việc bầu bổ sung, thay đổi thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2024 như sau:

1. Số lượng thành viên HĐQT bầu bổ sung: 02 thành viên

2. Tổng số thành viên HĐQT của công ty là: 07 thành viên

3. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT:

3.1. Thành viên HĐQT

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp.
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông công ty.
- Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác nhưng không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.

3.2. Thành viên HĐQT độc lập

- Đáp ứng đầy đủ các điều kiện của một Thành viên HĐQT
- Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.
- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định.
- Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty.

- Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 chấp thuận thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

LÊ HOÀI NAM

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *HĐQT, Ban TGĐ;*
- *Lưu Công ty.*

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 01/2021/TB-HVA	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
	Hà Nội, ngày 03 tháng 05 năm 2021

THÔNG BÁO

(V/v Đề cử, ứng cử Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2024)

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư HVA

Hội đồng quản trị ("HĐQT") Công ty cổ phần Đầu tư HVA trân trọng thông báo về việc đề cử, ứng cử Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 – 2024 như sau:

I. Số lượng Thành viên độc lập HĐQT được bầu: 02 thành viên

II. Tiêu chuẩn và điều kiện đề cử, ứng cử Thành viên HĐQT:

1. Thành viên HĐQT

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp.
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông công ty.
- Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác nhưng không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.

2. Thành viên HĐQT độc lập

- Đáp ứng đầy đủ các điều kiện của một Thành viên HĐQT
- Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.
- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định.
- Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty.
- Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

3. Điều kiện đề cử, ứng cử

Theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ công tycác cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau thành nhóm cổ đông để đề cử ứng viên. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử các ứng viên vào Hội đồng quản trị theo quy định sau:

- Nắm giữ từ 10% đến dưới 15% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử số lượng ứng viên tương đương với 1/5 tổng số lượng thành viên Hội đồng quản trị được bầu đảm bảo ít nhất là một (01) ứng viên;
- Nắm giữ từ 15% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa hai (02) ứng viên hoặc tối đa số lượng ứng viên tương đương với 2/5 tổng số lượng thành viên Hội đồng Quản trị được bầu;

- Nắm giữ từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa ba (03) ứng viên hoặc tối đa số lượng ứng viên tương đương với 3/5 tổng số lượng thành viên Hội đồng Quản trị được bầu;

- Nắm giữ từ 50% đến dưới 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa bốn (04) ứng viên hoặc tối đa số lượng ứng viên tương đương với 4/5 tổng số lượng thành viên Hội đồng Quản trị được bầu;

- Nắm giữ từ 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên có quyền đề cử tối đa đủ số lượng ứng viên tương đương với 100% số lượng thành viên Hội đồng Quản trị được bầu.

III. Hồ sơ đề cử, ứng cử:

Hồ sơ ứng cử, đề cử để bầu bổ sung, thay thế Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2024 gồm có:

- Thư đề cử, ứng cử vào chức danh thành viên HĐQT (theo mẫu);
- Bản cung cấp thông tin (theo mẫu, có dán ảnh);
- Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/Hộ chiếu;
- Bản sao hợp lệ các văn bằng, chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn;
- Giấy ủy quyền và/hoặc Biên bản họp nhóm (nếu ứng cử viên được nhóm ủy quyền ứng cử) và tài liệu xác thực chữ ký của cổ đông, nhóm cổ đông.

Quý cổ đông lưu ý: Người đề cử, ứng cử vào chức danh Thành viên HĐQT phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề cử, ứng cử của mình.

IV. Thời hạn đề cử, ứng cử:

Danh sách đề cử, ứng cử Thành viên HĐQT và hồ sơ đề cử, ứng cử được gửi về Công ty trước 16h30' ngày 22/05/2021 theo địa chỉ sau:

VP công ty tại Hà Nội: Tầng 3, Tòa nhà SME Hoàng Gia, số 6 Tô Hiệu, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 02923.826.688 Email: cbtt.hva@gmail.com

Để đảm bảo việc đề cử, ứng cử không bị chậm trễ cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thể gửi bản scan qua mail trước khi gửi bản cứng.

Quý cổ đông vui lòng điện thoại xác nhận đã gửi hồ sơ cho Phòng Hành Chính nhân sự - SĐT: 0343306736 (Thanh). Mọi trường hợp nộp muộn hoặc bị thất lạc, nếu Công ty không được thông báo xác nhận thì các hồ sơ nộp muộn này không có giá trị.

Quý cổ đông có thể truy cập trang thông tin điện tử theo địa chỉ: http://hva.group để cập nhật các mẫu đính kèm Thông báo (Thư ứng cử, Thư đề cử, biên bản họp nhóm, sơ yếu lý lịch) và để biết thêm chi tiết về việc đề cử, ứng cử để bầu bổ sung Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2024.

Trân trọng thông báo./.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

LÊ HOÀI NAM

Nơi nhận:
- Như Kính gửi;
- HĐQT, BTGĐ;
- Lưu VT.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THƯ ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2020-2024

Kính gửi: Công ty cổ phần Đầu tư HVA

Tôi tên là:.....

CMND/Hộ chiếu/Thẻ CCCD số:.....Ngày cấp:.....

Nơi cấp: .....

Địa chỉ thường trú:.....

Địa chỉ hiện tại: .....

Trình độ học vấn:.....

Chuyên ngành:.....

Hiện đang sở hữu: .....cổ phần (Bằng chữ:.....)

Và được đại diện ủy quyền:.....cổ phần (Bằng chữ:.....)

chiếm .....% trên tổng số cổ phiếu mà Quý công ty phát hành.

Tôi thấy mình đáp ứng đủ điều kiện và tiêu chuẩn thành viên HĐQT được quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp năm 2020, tôi có nguyện vọng ứng cử vào vị trí này. Vì vậy tôi gửi Thư này kèm theo Bản cung cấp thông tin và các hồ sơ khác theo quy định tới Công ty.

Đề nghị Ban tổ chức Đại hội cho tôi đăng ký tham gia ứng cử thành viên HĐQT của công ty nhiệm kỳ 2020-2024 để tiến hành bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 24/05/2021.

Tôi cam đoan những thông tin tôi cung cấp là đúng sự thật và tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực về thông tin và nội dung hồ sơ gửi kèm.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu cử giữ chức vụ Thành viên HĐQT tôi cam kết sẽ tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ của Công ty đồng thời xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty.

Trân trọng cảm ơn!

.....ngày ... tháng ... năm 2021

ỨNG CỬ VIÊN

(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THƯ ĐỀ CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2020-2024

Kính gửi: Công ty cổ phần Đầu tư HVA

Tôi tên là:.....

CMND/Hộ chiếu/Thẻ CCCD số:..... Ngày cấp :.....

Nơi cấp: .....

Địa chỉ liên lạc: .....

Trình độ học vấn:..... Chuyên ngành: .....

Hiện đang sở hữu: .....cổ phần (Bằng chữ: .....)

Tương ứng với tổng mệnh giá là (đồng):.....

Thời gian nắm giữ cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư HVA (Mã chứng khoán HVA) liên tục đến ngày 26/04/2021 là: .....tháng.

Theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp 2020, tôi thấy mình đủ điều kiện để đề cử ứng viên tham gia đề cử ứng viên tham gia ứng cử thành viên HĐQT công ty.

Đề nghị Ban tổ chức Đại hội cho tôi đề cử ứng viên tham gia ứng cử thành viên HĐQT của công ty nhiệm kỳ 2020-2024 để tiến hành bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 24/05/2021, như sau:

Ông/bà: .....

CMND/Hộ chiếu/Thẻ CCCD:.....Ngày cấp: ...../...../.....

Nơi cấp: .....

Địa chỉ thường trú:.....

.....

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành:.....

Hiện đang sở hữu: .....cổ phần (Bằng chữ:.....)

của CTCP Đầu tư HVA (ứng viên không phải là cổ đông thì bỏ qua nội dung này).

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu cử giữ chức vụ Thành viên HĐQT các ứng cử viên sẽ tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ của Công ty đồng thời xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty.

Tôi xin gửi kèm Bản cung cấp thông tin của ứng viên và các hồ sơ khác theo Giấy này.

Trân trọng cảm ơn!

.....,ngày ... tháng ... năm 2021

Người đề cử

(Ký ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THƯ ĐỀ CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2020-2024

Kính gửi: Công ty cổ phần Đầu tư HVA

Tên tổ chức:.....
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập số:.....
Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....
Địa chỉ: .....
Hiện đang sở hữu: .....cổ phần (Bằng chữ: .....)
Tương ứng với tổng mệnh giá là (đồng):.....
Thời gian nắm giữ cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư HVA (Mã chứng khoán HVA) liên tục đến ngày 26/04/2021 là: .....tháng..

Theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp 2020, chúng tôi thấy mình đủ điều kiện để đề cử ứng viên tham gia ứng cử thành viên HĐQT công ty.

Đề nghị Ban tổ chức Đại hội cho chúng tôi đề cử ứng viên tham gia ứng cử thành viên HĐQT của công ty nhiệm kỳ 2020-2024 để tiến hành bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 24/05/2021, như sau:

Ông/bà: .....
CMND/Hộ chiếu/Thẻ CCCD:.....Ngày cấp: ...../...../.....
Nơi cấp: .....
Địa chỉ thường trú:.....
.....
Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành:.....
Hiện đang sở hữu: .....cổ phần (Bằng chữ:.....)
của CTCP Đầu tư HVA (ứng viên không phải là cổ đông thì bỏ qua nội dung này).

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu cử giữ chức vụ Thành viên HĐQT các ứng cử viên sẽ tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ của Công ty đồng thời xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty.
Chúng tôi xin gửi kèm Bản cung cấp thông tin của ứng viên và các hồ sơ khác theo Giấy này.

Trân trọng cảm ơn!

.....ngày ... tháng ... năm 2021
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký,ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP NHÓM
ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2020-2024
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

Hôm nay, ngày .... tháng .... năm 2021 tại....., chúng tôi là những cổ đông của Công ty cổ phần Đầu tư HVA cùng nhau nắm giữ ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty đã phát hành, cụ thể bao gồm các cổ đông sau đây:

STT	Cổ đông	Số Giấy chứng thực cá nhân	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %VĐL	Thời gian sở hữu	Ký tên, đóng dấu nếu là tổ chức
1						
2						
3						
4						
Tổng số:						

Chúng tôi cùng đồng ý nhất trí để đề cử ứng viên thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2024, thông tin của ứng viên:

Ông/bà: .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....

Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành:.....

Hiện đang sở hữu: .....cổ phần

Tương ứng với tổng mệnh giá là (đồng):.....

Đồng thời chúng tôi thống nhất đề cử:

Ông/bà: .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....

Nơi cấp:.....

Địa chỉ:.....

Làm đại diện nhóm tham gia bỏ phiếu bầu Thành viên HĐQT theo đúng Quy định và tham gia biểu quyết tất cả các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Đầu tư HVA bằng tất cả số phiếu bầu của nhóm.

Cuộc họp kết thúc lúc ... giờ, ngày .... tháng .... năm 2021.

Biên bản này gồm ... trang. Các cổ đông cùng đọc, thống nhất và ký tên dưới đây.

HỌ TÊN VÀ CHỮ KÝ CỦA TỪNG CỔ ĐÔNG TRONG NHÓM CỔ ĐÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày ... tháng ... năm 2021

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

1/ Họ và tên: .....

2/ Giới tính: .....

3/ Ngày tháng năm sinh: .....

4/ Nơi sinh: .....

5/ Số CCCD: .....Ngày cấp: .....

Nơi cấp: .....

6/ Quốc tịch: Việt Nam 7/ Dân tộc: Kinh

8/ Địa chỉ thường trú: .....

9/ Chỗ ở hiện tại: .....

10/ Số điện thoại: .....

11/ Địa chỉ email: .....

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin: .....

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: .....

14/ Tóm tắt quá trình đào tạo:

Từ tháng năm đến tháng năm	Tên trường hoặc cơ sở đào tạo	Ngành học	Hình thức đào tạo	Văn bằng chứng chỉ

15/ Tóm tắt quá trình công tác:

Từ tháng năm đến tháng năm	Đơn vị công tác	Chức vụ

16/ Số CP nắm giữ: ...., chiếm ..... % vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu: .....

+ Cá nhân sở hữu: .....

17/ Các cam kết nắm giữ (nếu có): .....

18/ Danh sách người có liên quan của người khai:

STT	Tên cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp,	Số lượng CP/CCQ nắm	Mối

		nơi cấp	giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty đại chúng (nếu có)	quan hệ
1				
2				
3				
4				

19/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): ....

20/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): .....

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 05/2021/TTr-HVA	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
	Hà Nội, ngày 03 tháng 05 năm 2021

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

V/v Thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị

Kính gửi: **Quý Cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư HVA**

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 59/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư HVA;*

Để phù hợp với mô hình tổ chức hoạt động Công ty cổ phần Đầu tư HVA và đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty, Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 về việc thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT như sau:

1. Thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị

2. Cơ cấu nhân sự Ủy ban kiểm toán: Ủy ban kiểm toán có tối thiểu 2 thành viên và đảm bảo:

- 01 Thành viên độc lập HĐQT là Trưởng ban
- Các thành viên còn lại của Ủy ban do HĐQT quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm và phải là thành viên HĐQT không điều hành.

3. Chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán

a) Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của công ty;

b) Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;

c) Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;

d) Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty;

đ) Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;

e) Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;

g) Giám sát nhằm bảo đảm công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của công ty.

4. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động trong việc thành lập Ủy ban kiểm toán, bổ nhiệm các thành viên của Ủy ban kiểm toán cũng như xây dựng, ban hành các cơ chế, điều kiện để Ủy ban kiểm toán được vận hành và hoạt động cho phù hợp với quy định của Điều lệ công ty và pháp luật Doanh nghiệp.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 chấp thuận thông qua./.

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *HĐQT, Ban TGĐ;*
- *Lưu Công ty.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
Chủ tịch Hội đồng quản trị

LÊ HOÀI NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 06/2021/TTr-HVA	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
	Hà Nội, ngày 03 tháng 05 năm 2021

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

V/v Thông qua sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty

Kính gửi: **Quý Cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư HVA**

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 59/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư HVA;*
- *Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty hiện nay.*

Căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành và tình hình hoạt động kinh doanh thực tế của doanh nghiệp, Hội đồng quản trị Công ty xin kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh như sau:

1. Thay đổi ngành, nghề đăng ký kinh doanh của Công ty

1.1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ghi chú
1	Hoạt động quản lý quỹ. Chi tiết: - Quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo *(theo quy định tại Nghị định 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp vừa và nhỏ khởi nghiệp sáng tạo)*	6630	

1.2. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ghi chú
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: - Đầu tư khởi nghiệp sáng tạo *(theo quy định tại Nghị định 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp vừa và nhỏ khởi nghiệp sáng tạo)*	8299	

2. Sửa đổi Điều lệ Công ty phù hợp nội dung thay đổi Đăng ký doanh nghiệp

Sửa đổi Điều 4 trong Điều lệ Công ty về ngành, nghề đăng ký kinh doanh của Công ty

3. ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Đầu tư HVA ủy quyền Tổng Giám đốc Công ty căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn để tiến hành các thủ tục pháp lý cần thiết với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty theo đúng quy định của Pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 chấp thuận thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
Chủ tịch Hội đồng quản trị

LÊ HOÀI NAM

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT, Ban TGĐ;
- Lưu Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 07/2021/TTr-HVA	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
	Hà Nội, ngày 03 tháng 05 năm 2021

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

V/v Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư HVA

Kính gửi: **Quý Cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư HVA**

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 về hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư HVA.*

Căn cứ quy định của pháp luật hiện hành và yêu cầu thực tiễn về tổ chức và hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị ("HĐQT") nhận thấy cần thiết phải sửa đổi Điều lệ cho phù hợp với yêu cầu và quy định pháp luật hiện hành. Vì vậy, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") thông qua tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty như sau:

1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư HVA với các nội dung chính theo Phụ lục đính kèm tờ trình này và toàn văn dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đính kèm;
2. Giao cho HĐQT quyết định các vấn đề có liên quan trong việc thực hiện báo cáo, đăng ký với cơ quan có liên quan về việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh các nội dung trên Điều lệ;
3. Giao cho HĐQT thực hiện sửa đổi, bổ sung quy chế quản trị nội bộ và các quy định nội bộ khác (nếu có) có liên quan cho phù hợp với Điều lệ mới.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 chấp thuận thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

LÊ HOÀI NAM

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *HĐQT, Ban TGĐ;*
- *Lưu Công ty.*

PHỤ LỤC I - CHI TIẾT NỘI DUNG SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

Điều khoản	Nội dung Điều lệ hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ			
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: a. "*Vốn điều lệ*" là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều lệ này; b. "*Luật Doanh nghiệp*" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014; c. "*Ngày thành lập*" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu; d. "*Công ty*" là Công ty cổ phần Đầu tư HVA; e. "*Người quản lý*" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty; f. "*Người có liên quan*" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng Khoán 2006 và Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp; g. "*Thời hạn hoạt động*" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng Nghị quyết; h. "*Việt Nam*" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt	1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: a. "*Vốn điều lệ*" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này; b. "*Luật Doanh nghiệp*" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, thay thế từng thời kỳ; c. "*Luật Chứng khoán*" có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, thay thế từng thời kỳ; d. "*Việt Nam*" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; đ. "*Ngày thành lập*" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu; e. "*Người điều hành doanh nghiệp*" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác trong Ban Tổng Giám đốc Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn; f. "*Người quản lý doanh nghiệp*" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội	Thay đổi phù hợp với thông lệ quản trị

	Nam; i. "*Ban kiểm toán nội bộ*" là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị được quy định tại Điểm b khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp 2014	đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty; g. "*Người có liên quan*" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán; h. "*Cổ đông lớn*" là cổ đông được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán; i. "*Thời hạn hoạt động*" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng Nghị quyết.	
Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của công ty	3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: - Địa chỉ: Số 81 Nguyễn Hiền, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. - Điện thoại: - Fax: - E-mail: contact@hva.group - Website: http://hva.group	3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: - Địa chỉ: Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam. - Điện thoại: 02923.826.688 - Fax: - E-mail: contact@hva.group - Website: http://hva.group	Cập nhật cho phù hợp với nội dung ghi nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	a) Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty; b) Các quy định đối với người đại diện theo pháp luật của Công ty được căn cứ vào Điều 13 Luật Doanh nghiệp 2014.	1. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty 2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty áp dụng theo quy định tại Điều 12 Luật Doanh nghiệp 2020.	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với Luật doanh nghiệp
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY			
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: (Bảng ngành nghề kinh doanh: 98 ngành, nghề)	1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: (Bảng ngành nghề kinh doanh: 109 ngành, nghề - Đính kèm tại Phụ lục II)	Cập nhật cho phù hợp với Quyết định 27/2018/QĐ-TTg về Hệ

			thống ngành kinh tế Việt Nam
V. MÔ HÌNH TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ HOẠT ĐỘNG			
Điều 11. Mô hình quản trị Công ty	Mô hình quản trị Công ty bao gồm: 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Ban Tổng giám đốc; 4. Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị	Mô hình quản trị Công ty bao gồm: 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Ban Tổng giám đốc; *4. Ủy ban kiểm toán*	Sửa đổi cho phù hợp với thông lệ quản trị
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG			
Điều 12. Quyền của cổ đông	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau: a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 26 Điều lệ này. Nhóm cổ đông khi thực hiện các quyền được quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này có trách nhiệm cung cấp văn bản xác nhận của Công ty chứng khoán (hoặc tài liệu khác và được công ty chấp nhận) về số lượng cổ phần, tỷ lệ nắm giữ, thời gian nắm giữ để chứng minh thỏa mãn đầy đủ các điều kiện tương ứng nêu trên; b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều 114 Luật Doanh nghiệp; c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông; d. Yêu cầu Hội đồng quản trị kiểm tra từng vấn đề cụ thể	*3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:* *a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;* *b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;* *c. Yêu cầu Hội đồng quản trị kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ*	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành

	liên quan đến quản quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra. Trong trường hợp này, việc kiểm tra do Ban kiểm toán nội bộ thực hiện và báo cáo; đ. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.	*đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra. Trong trường hợp này, việc kiểm tra do Ủy ban kiểm toán trực tiếp thực hiện và báo cáo;* *d. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này.* *4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị như sau:* *a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;* *b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.* *5. Cổ đông nước ngoài và cổ đông trong nước có các quyền và nghĩa vụ như nhau. Không hạn chế tỷ lệ sở hữu của cổ đông nước ngoài, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*	
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	Cổ đông có các nghĩa vụ sau: 1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty;	Các cổ đông có nghĩa vụ như sau: 1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty;	Sửa đổi, bổ sung cho phù

	chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. *2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.* 3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định. 4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần. 5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành. 6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: a. Vi phạm pháp luật; b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.	chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; 2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định; 3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần; 4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành; *5. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.* 6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: a. Vi phạm pháp luật; b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.	hợp với quy định pháp luật hiện hành
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông họp thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông họp thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn(04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. *Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06*	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành

		tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	
	2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, *đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.*	2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp *trên lãnh thổ Việt Nam*. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. *Trường hợp Báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, công ty đại chúng phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty đại chúng.*	
	3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty; b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ; c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ; d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ	3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty; b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ; c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ; d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản *kiến nghị*. Yêu cầu triệu tập Đại hội	

	đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan; ***<u>e. (Khoản này đã được bãi bỏ);</u>*** f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	đông cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan; e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây: a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán; b. Báo cáo của Hội đồng quản trị; c. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có các quyền và nghĩa vụ sau đây: a. Thông qua các báo cáo tài chính năm; b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông; c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị; d. Lựa chọn công ty kiểm toán; đ. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị; e. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị; g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty. Trường hợp điều chỉnh mục vốn điều lệ trong điều lệ Công ty thì Đại hội	1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây: a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán; b. Báo cáo của Hội đồng quản trị; *<u>c. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty</u>*; *<u>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</u>* *<u>a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</u>* *<u>b. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</u>* *<u>c. Quyết định mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</u>* *<u>d. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;</u>* *<u>đ. Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;</u>*	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành

	ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện sửa đổi cho phù hợp với thực tế và đúng quy định; h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập; i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; k. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý; l. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty; m. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán; n. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành; o. Việc Tổng Giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị; p. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán; q. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.	*e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty;* *f. Quyết định bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;* *g. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;* *h. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán mỗi loại;* *i. Xem xét, xử lý các vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;* *j. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;* *k. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;* *l. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;* *m. Phê duyệt quy chế nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;* *n. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động công ty của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;* *p. Công ty hoặc chi nhánh của công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;*	

		q. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữ công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó; *r. Thay đổi về ưu đãi, các đặc quyền của một loại hoặc các loại cổ phần của Công ty hoặc suy giảm về lợi ích của các cổ đông Công ty;* *s. Thay đổi đáng kể về phạm vi, nội dung, bao gồm cả bất kỳ thay đổi đáng kể nào về định hướng chiến lược và/hoặc việc tham gia bất kỳ ngành nghề kinh doanh mới nào của Công ty;* *t. Bất kỳ vấn đề nào liên quan đến việc niêm yết, hủy niêm yết của Công ty* *u. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua.*	
	3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây: a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 1 Điều 15 khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;	3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây: a. Thông qua các hợp đồng quy định tại *Khoản 2 Điều 15* khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;	
Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn *05 ngày* trước	2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn *10 ngày*	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành

	ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; 3. Thông báo được gửi đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian địa điểm họp, và những yêu cầu khác đối với người dự họp. 4. Thông báo được gửi bằng phương pháp bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của cổ đông. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.	trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. *Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.* *b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;* *c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;* *d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;* *đ. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;* *e. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;* *g. Các công việc khác phục vụ đại hội.* 3. Thông báo được gửi đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất *hai mươi mốt (21) ngày* trước khai mạc *(tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư)*. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp, và những yêu cầu khác đối với người dự họp. *4. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội*	

		được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.	
	5. Thông báo mời họp phải gửi kèm các tài liệu sau: a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết từng vấn đề trong chương trình họp; b. Phiếu biểu quyết; c. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, tài liệu họp có thể thay thế bằng đăng tải lên trang tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu cho cổ đông khi có yêu cầu. Đồng thời, công ty phải cung cấp tài liệu theo phương thức gửi thư bảo đảm nếu có yêu cầu bằng văn bản của cổ đông.	*5. Thông báo mời họp phải gửi kèm các tài liệu sau:* *a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;* *b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;* *c. Phiếu biểu quyết;* *d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.* *Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, tài liệu họp có thể thay thế bằng đăng tải lên trang tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu cho cổ đông khi có yêu cầu. Đồng thời, công ty phải cung cấp tài liệu theo phương thức gửi thư bảo đảm nếu có yêu cầu bằng văn bản của cổ đông.*	
	7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 6 Điều này trong các trường hợp sau: a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này; c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;	7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 6 Điều này trong các trường hợp sau: a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; *b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trở lên;* c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua. *Trường hợp này, người triệu tập họp phải trả lời cổ đông bằng văn bản chậm nhất là 02 ngày làm việc trước*	

	d. Các trường hợp khác.	*ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và nêu rõ lý do của việc từ chối.*	
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết. 2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện *cho ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.*	*1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.* 2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện *từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.* *4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 của Điều lệ này.*	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	5. Chủ toạ là người có quyền quyết định cao nhất về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông. 6. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.	*5. Quyết định của Chủ toạ về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.* *6. Chủ toạ Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ toạ quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công*	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành

		việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ toạ đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó. *7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều 20, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.* *8. Chủ tọa của đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.* *9. Hội đồng quản trị hoặc Người triệu tập họp khác có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.*	
	7. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự. 8. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho lại thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội.		

	9. Hội đồng quản trị sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để: a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp; c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác. 10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể: a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ toạ đại hội có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội"); b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội; Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này. 11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác),	*10. Hội đồng quản trị hoặc Người triệu tập họp khác, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được cho là thích hợp để:* *a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;* *b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;* *c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.* *Hội đồng quản trị/ Người triệu tập họp có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.* *11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị/ Người triệu tập họp khi xác định địa điểm đại hội có thể:* *a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ toạ đại hội sẽ có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội");* *b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;* *Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.* *12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu*	

	mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội. Hàng năm Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.	*khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.* *Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.*	
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	**Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông** 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành: a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; đ) Tổ chức lại, giải thể công ty; e) Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định. 2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 và khoản 3 Điều này.	**Điều 21. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông** 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện *từ 65%* tổng số cổ phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, *trừ trường hợp quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều này*: a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; đ) Tổ chức lại, giải thể công ty; e) Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định. 2. *Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3 và 4 Điều này*. *4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có*	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành

		quyền biểu quyết tán thành. *5. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.*	
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức đảm bảo đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 137 Luật doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu đính kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 Luật doanh nghiệp. 3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty; b. Mục đích lấy ý kiến; c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá	2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức đảm bảo đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại *khoản 1 và khoản 2 Điều 141 Luật doanh nghiệp*. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu đính kèm theo thực hiện theo quy định tại *Điều 143 Luật doanh nghiệp*. *3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:* *a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;* *b. Mục đích lấy ý kiến;* *c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên,*	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành

	nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, mã số doanh nghiệp, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến; e. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty. 4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.	*địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;* *d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;* *đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;* *e. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;* *g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.* *4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:* *a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;* *b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;* *c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến*	

		không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.	
	5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của thành viên Hội đồng quản trị độc lập hoặc cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh; b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết; d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề; e. Các quyết định đã được thông qua; f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.	*5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:* *a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;* *b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;* *c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;* *d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;* *đ. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;* *e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.*	
	8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. *Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội*	8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.	

	đồng cổ đông.		
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty (nếu có). Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. *Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp*. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. *Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.* Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	**Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông** Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nghị	**Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông** Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại *Khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp* có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành

	quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật doang nghiệp;	phần nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại *khoản 2 Điều 152 của Luật doanh nghiệp*;	
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
Điều 25. Cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị	1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau: a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật này; c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.	1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau: a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại *khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp*; c) *Thành viên Hội đồng quản tri của công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của trên năm (05) công ty khác, trừ trường hợp là thành viên Hội đồng quản trị của các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế hoặc là người đại diện của công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán.*	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và đảm bảo tính linh hoạt trong hoạt động của Công ty.
	2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các yêu cầu sau: a) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó; b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ	2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các yêu cầu sau: a) Không phải là người đang làm việc cho công ty, *công ty mẹ hoặc công ty con của công ty*; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, *công ty mẹ hoặc công ty con* của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó; b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ	

	công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định; c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty; d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty và không phải là người có liên quan đến cổ đông lớn của Công ty; *e) Không phải là người làm việc tại tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm toán cho công ty trong hai (2) năm gần nhất.* *f) Không phải là đối tác hoặc người có liên quan của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với công ty chiếm từ 30% trở lên tổng doanh thu hoặc tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào của công ty trong hai (02) năm gần nhất.*	công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định; c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty; d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty; *đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.*	

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. 2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ	*1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty chỉ được bầu không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả các thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty phải đảm bảo quy định sau:* *a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;* *b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;* *c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.* *2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 15% tổng số cổ phần có quyền*	Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với Luật Doanh nghiệp và thông lệ quản trị công ty

	đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.	*biểu quyết được đề cử số lượng ứng viên tương đương với 1/5 tổng số lượng thành viên Hội đồng quản trị được bầu đảm bảo ít nhất là một (01) ứng viên; từ 15% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên hoặc tối đa số lượng ứng viên tương đương với 2/5 tổng số lượng thành viên Hội đồng Quản trị được bầu; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên hoặc tối đa số lượng ứng viên tương đương với 3/5 tổng số lượng thành viên Hội đồng Quản trị được bầu; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên hoặc tối đa số lượng ứng viên tương đương với 4/5 tổng số lượng thành viên Hội đồng Quản trị được bầu; và nếu từ 65% trở lên được đề cử tối đa đủ số lượng ứng viên tương đương với 100% số lượng thành viên Hội đồng Quản trị được bầu.*	
	4. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau: a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị; b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty; c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi; d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà	*4. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:* *a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;* *b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của công ty và được chấp thuận;* *c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;* *d. Thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp*	

	không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống. đ. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. *5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.* 6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. 7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.	*bất khả kháng;* *e. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.* ***(Bỏ)*** *5. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.* *6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.*	

Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. 2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác và kiểm soát việc quản lý điều hành Công ty theo cơ chế được đề cập trong Điều lệ này và Quy chế quản trị Công ty. 3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm; b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua; c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc và quyết định mức lương của họ; d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; đ. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó; e. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại; g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các	*1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.* *2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:* *a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm;* *b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;* *c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó.* *d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;* *e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại người điều hành đó;* *f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại; Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;*	Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với Luật Doanh nghiệp và thông lệ quản trị công ty

	chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước; h. Quyết định giá bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền; i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác, người đại diện của Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có); k. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc; l. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức; m. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty. 4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn: a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty; b. Thành lập, sáp nhập, chia tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình và giải thể công ty con; c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết đinh việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thâu tóm công ty và liên doanh); d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ	*g. Quyết định phương án phát hành trái phiếu hoặc các loại chứng chỉ ghi nợ khác, ngoại trừ phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và trái phiếu kèm chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quyết định;* *h. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;* *i. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;* *j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;* *k. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty; yêu cầu phá sản công ty;* *l. Bất kỳ sửa đổi nào đối với các văn kiện thành lập của Công ty, trừ Điều lệ và các văn bản khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật;* *m. Phê duyệt việc đầu tư, bán hoặc chuyển nhượng tất cả hoặc bất kỳ tài sản nào của Công ty có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi nhận trong Báo Cáo Tài Chính được kiểm toán gần nhất của Công Ty; Hội đồng quản trị có thể phân quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc phê duyệt việc đầu tư, bán hoặc chuyển nhượng tài sản nêu trên, việc phân quyền này được quy định cụ thể trong Quy chế tài*	

	nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty; đ. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty; e. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách của công ty hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm; g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài; h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ; i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần; k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty; l. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình. 5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Báo cáo của Hội đồng quản trị có thể bao gồm nội dung thẩm định của *Ban kiểm toán nội bộ*. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.	*chính hoặc văn bản khác do Hội đồng quản trị ban hành;* *n. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;* *o. Phê duyệt thay đổi đáng kể về các phương pháp và chính sách kế toán của Công ty và các thay đổi về phương pháp kế toán thuế;* *p. Phê duyệt việc thành lập bất kỳ tiểu ban nào trực thuộc Hội đồng quản trị, và việc trao bất kỳ quyền hạn nào của Hội đồng quản trị cho bất kỳ tiểu ban trực thuộc này;* *q. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền;* *r. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;* *s. Quyết định giải pháp phát triển thị thường, tiếp thị và công nghệ;* *t. Ban hành, phê duyệt các Quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty ngoại trừ các văn bản thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;* *u. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại*	

		hội đồng cổ đông. *4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:* *a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;* *b. Thành lập các công ty con của Công ty;* *c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 153 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thâu tóm công ty và liên doanh). Hội đồng quản trị có thể phân quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc phê duyệt theo mức giá trị của các hợp đồng này;* *d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;* *e. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;* *f. Việc tham gia góp vốn thành lập, mua hoặc bán phần vốn góp, cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài. Hội đồng Quản trị có thể phân quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc phê duyệt theo tổng mức giá trị phần vốn, cổ phần dự kiến góp/mua/bán;* *g. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải*	

		bằng tiền, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ; *h. Việc công ty mua hoặc thu hồi cổ phần theo quy định tại Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;* *i. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;* *5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.* *6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.* *7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.* *8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng*	

		quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. *9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tich hoặc Phó Chủ tich), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.* *10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.*	
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị	1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc có hiệu lực đến 01/08/2020. Sau thời điểm 01/08/2020 Chủ tịch Hội đồng quản trị không thể kiêm nhiệm chức	*1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một hoặc một số Phó Chủ tịch (nếu cần thiết). Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.*	

	danh Tổng Giám đốc Công ty. 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ toạ Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông. 4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.	*2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ toạ Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.* *3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị..* *4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.*	
Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng	1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ	*1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc*	Sửa đổi, bổ sung để phù

quản trị	tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số. 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 05 (năm) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất mỗi quý 01 lần. 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: a. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Cán bộ quản lý khác; b. Ít nhất hai (02) thành viên điều hành của Hội đồng quản trị; c. Ban kiểm toán nội bộ. 4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 29 phải được tiến hành trong thời hạn (7) bảy ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản	*thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.* *2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.* *3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:* *a. Có đề nghị của thành viên độc lập;* *b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người điều hành khác;* *c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;* *d. Có đề nghị của Ủy ban kiểm toán.* *Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị được quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị khi xét thấy cần thiết.* *4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3*	hợp với Luật Doanh nghiệp và thông lệ quản trị công ty

	trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty, những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 29 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị. 5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty. 6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị. 7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.	*Điều 29 phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 29 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.* *5. Địa điểm họp. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.* *6. Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.* *Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội*	

	8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định kho có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền). Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. 9. Biểu quyết. a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều 29, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết; b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết; c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 9 Điều 29, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng	*đồng quản trị được đăng ký tại công ty.* *7. Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị dự họp hoặc qua người đại diện thay thế. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.* *9. Biểu quyết.* *a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều 29, mỗi thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:* *• Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;* *• Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;* *• Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;* *• Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.*	

	quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ toạ cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ toạ liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ; d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 37 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó. 10. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan. 11. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của	*Mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết.* *b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;* *c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 9 Điều 29, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ toạ cuộc họp và phán quyết của chủ toạ liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;* *d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a, điểm b Khoản 4 Điều 37 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.*	

	Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định. 12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể: a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện. Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này. 13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số	*10. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.* *11. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.* *12. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:* *a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;* *b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.*	

	thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. 14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của Chủ tọa và người ghi biên bản cuộc họp.	*Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.* *Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp.* *13. Việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản phải đảm bảo nguyên tắc sau đây:* *a. Phiếu lấy ý kiến phải gửi cho tất cả các thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;* *b. Số lượng thành viên gửi Phiếu đã có ý kiến biểu quyết về Công ty không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị;* *c. Nghị quyết được thông qua theo nguyên tắc đa số phiếu tính trên tổng số phiếu biểu quyết gửi về Công ty.* *Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông*	

		qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. *14. Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của Chủ tọa và thư ký cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký liên đới chịu trách nhiệm về nội dung Biên bản họp. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật, Điều lệ này thì biên bản này có hiệu lực.* *15. Nghị quyết bằng văn bản do Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị cuộc họp tương ứng thay mặt cho Hội đồng quản trị ban hành, trừ trường hợp các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp đã thống nhất khác đi và được thể hiện tại Biên bản họp.* *16. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.*	
Điều 29B. Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị	**Điều 29B. Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị** 1. Hội đồng quản trị thành lập Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị. Ban kiểm toán nội bộ phải có ít	***Điều 29B. Các tiểu ban khác trực thuộc Hội đồng quản trị*** *1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban khác*	Sửa đổi, bổ sung để đảm bảo tính linh

	nhất 01 thành viên Hội đồng quản trị độc lập làm trưởng ban. 2. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban khác sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. 3. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho các tiểu ban quy định tại Khoản 1 và khoản 2 Điều này được quyền hành động và ra quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải thành viên Hội đồng quản trị vào tiểu ban và cho phép những người đó là được biểu quyết với tư cách của tiểu ban nhưng phải đảm bảo số lượng bên ngoài không nhiều hơn một nửa số thành viên tiểu ban. Nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi các thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp có hơn năm mươi (50)% thành viên Hội đồng quản trị của các tiểu ban đó. 4. Việc thực thi quyết định của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên tiểu ban có thể có sai xót. 5. Cơ cấu tổ chức của Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị như sau: a) Cơ cấu của Ban kiểm toán nội bộ phần lớn là thành	*trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị trong các phạm vi hoạt động cụ thể khi thực thi quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị.* *2. Các tiểu ban khác được thành lập khi có nghị quyết chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông hoặc được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền.* *3. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định tùy thuộc vào tính chất công việc của từng tiểu ban nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên độc lập Hội đồng quản trị được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.* *4. Việc thực thi quyết định của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên tiểu ban có thể có sai xót.*	hoạt trong hoạt động của công ty và phù hợp với thông lệ quản trị công ty

	viên Hội đồng quản trị độc lập và thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. Nội dung cụ thể liên quan đến cơ cấu tổ chức của Ban kiểm toán nội bộ sẽ quy định trong quy chế quản trị Công ty b) Có ít nhất (01) thành viên của Ban kiểm toán nội bộ có bằng cấp, chứng chỉ hoặc có kinh nghiệm liên quan đến công tác tài chính, kế toán hoặc kiểm toán. 6. Ban kiểm toán nội bộ có các quyền hạn và nhiệm vụ dưới đây: a. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này, Ban kiểm toán nội bộ thực hiện và tiến hành kiểm tra trong thời hạn 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra. Ban kiểm toán nội bộ phải báo cáo giải trình những vấn đề được kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm toán nội bộ không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạt hoạt động kinh doanh của Công ty. b. Xây dựng cơ chế tiếp nhận ý kiến, phản ánh khiếu nại về các sai phạm, thiếu xót trong quản lý, điều hành kinh doanh, quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ. Cơ chế này phải đảm bảo bí mật và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người phản ánh, khiếu nại cũng như quy định về điều tra độc lập và các bước xử lý sau đó. c. Khi phát hiện thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác có hành vi vi phạm nghĩa vụ của		

	người quản lý thì phải yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm đồng thời gửi thông báo bằng văn bản đến Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị ra quyết định xử lý. d. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. e. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý điều hành hoạt động của Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này. f. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý của Công ty. Lập nội dung thẩm định này trong báo cáo Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên. g. Kiểm toán nội bộ công ty. h. Ban kiểm toán nội bộ có thể sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện nhiệm vụ được giao. i. Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác phải cung cấp thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của ban kiểm toán nội bộ.		
Điều 30. Tổ chức bộ máy quản lý	Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng Giám đốc, các Phó Giám đốc (Phó Tổng giám đốc) điều hành và một Kế toán trưởng và các chức danh khác	Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng Giám đốc, *các Phó Tổng giám đốc, Giám đốc điều hành* và một Kế toán trưởng và các chức danh	Sửa đổi để phù hợp với thông lệ quản trị công ty

	do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.	khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.	
Điều 31. Cán bộ quản lý	**Điều 31. Cán bộ quản lý** 1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tuỳ từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra. 2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với *những cán bộ quản lý khác* do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.	***Điều 31. Người điều hành Công ty*** *1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác (nếu có).* 2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng *người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định*. *Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức*. 3. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với *những người điều hành khác* do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc. *4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.*	Sửa đổi để phù hợp với thông lệ quản trị công ty
Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm	2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực	2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu	Sửa đổi, bổ sung để phù

vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.	lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc *không được phép là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.*	hợp với Luật Doanh nghiệp và thông lệ quản trị công ty
IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
		Điều 34. Ủy ban kiểm toán *1. Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng quản trị. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Hội đồng quản trị đề cử và bổ nhiệm Chủ tịch Ủy bản kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Hội đồng quản trị.* *2. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập, phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.* *3. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của công ty và không thuộc cáp trường hợp sau:* *a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;* *b. Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán*	Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với Luật Doanh nghiệp và thông lệ quản trị công ty

		được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó. *4. Ủy ban kiểm toán có quyền và nghĩa vụ sau đây:* *a. Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của công ty;* *b. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;* *c. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;* *d. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty;* *đ. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;* *e. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;* *f. Giám sát nhằm bảo đảm công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy đinh nội bộ khác của công ty;* *g. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin*	

		phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán. *h. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.* *i. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.* *k. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.* *l. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.* *m. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.*	
		Điều 35. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán *1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.* *2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty hoặc Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban*	Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với Luật Doanh nghiệp và thông lệ quản trị công ty

		kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.	
X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC			
Điều 37. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác. 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. 3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. 4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc	*1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.* *2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của công ty.* *3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.* *4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành Công ty, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành Công ty hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu,*	Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và thông lệ quản trị công ty

	những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây: a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp ồồng hoặc giao dịch này; c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, cán bộ	*hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc và Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:* *a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc* *b. Đối với những hợp đồng có giá trị từ 35% trở lên của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;* *c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào*	

	quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.	*thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.* *Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của công ty hoặc công ty con của công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.*	
Điều 39. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.	*1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:* *a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;* *b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh*	Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và thông lệ quản trị công ty

		doanh của Công ty.	
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN			
Điều 41. Phân phối lợi nhuận	1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty. 2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty. 3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu. 4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này. 5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.	*1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.* *2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.* *3. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.* *4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.* *5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày*	Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và thông lệ quản trị công ty

	6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. 7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.	*cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.* *6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.*	
	XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	***XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY***	
	Điều 49. Chấm dứt hoạt động 1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau: a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn; b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành; c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. 2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.	***Điều 49. Giải thể Công ty*** *1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:* *a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;* *b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;* *c. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;* *d. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật quản lý thuế có quy định khác;* *đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.* *2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.*	Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và thông lệ quản trị công ty
Điều 51. Thanh lý	3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo	*3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo*	Sửa đổi, bổ

	thứ tự sau: a. Các chi phí thanh lý; b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên; c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước; d. Các khoản vay (nếu có); đ. Các khoản nợ khác của Công ty; e. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (đ) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.	*thứ tự sau:* *a) Các chi phí thanh lý;* *b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;* *c) Nợ thuế;* *d) Các khoản nợ khác của Công ty;* *đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.*	sung để phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và thông lệ quản trị công ty
Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ	1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa: a. Cổ đông với Công ty; b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp, Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 60 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. 2. Trường hợp không có thỏa thuận nào đạt được để giải quyết tranh chấp trong vòng 45 ngày kể từ ngày có thông	*1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:* *a. Cổ đông với Công ty; hoặc* *b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp.* *Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có*	Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và thông lệ quản trị công ty

	báo tranh chấp của một bên, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra giải quyết tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) theo Quy tắc tố tụng trọng tài của Trung tâm này hoặc đưa ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết. 3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.	*thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.* *2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 45 ngày từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.* *3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.*	

PHỤ LỤC II – CHI TIẾT NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH ĐƯỢC CẬP NHẬT
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
1.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112	
2.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113	
3.	Trồng cây mía	0114	
4.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115	
5.	Trồng cây lấy sợi	0116	
6.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117	
7.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118	
8.	Trồng cây ăn quả	0121	
9.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122	
10.	Trồng cây điều	0123	
11.	Trồng cây hồ tiêu	0124	
12.	Trồng cây cao su	0125	
13.	Trồng cây cà phê	0126	
14.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128	
15.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131	
16.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132	
17.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141	
18.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142	
19.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144	
20.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145	
21.	Chăn nuôi gia cầm	0146	
22.	Chăn nuôi khác *(Trừ loại cấm)*	0149	

23.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150	
24.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161	
25.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162	
26.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163	
27.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164	
28.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210	
29.	Khai thác thuỷ sản nội địa	0312	
30.	Nuôi trồng thuỷ sản biển	0321	**X**
31.	Nuôi trồng thuỷ sản nội địa	0322	
32.	Khai thác quặng sắt *(Chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền cho phép)*	0710	
33.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt *(Chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền cho phép)*	0722	
34.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét *(Chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền cho phép)*	0810	
35.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010	
36.	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản	1020	
37.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030	
38.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản	1080	
39.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511	
40.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012	
41.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: - Sản xuất vật liệu xây dựng	2392	
42.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410	
43.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý *(trừ loại cấm)*	2420	
44.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312	
45.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313	

46.	Sửa chữa thiết bị điện	3314	
47.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320	
48.	Xây dựng nhà để ở	4101	
49.	Xây dựng nhà không để ở	4102	
50.	Xây dựng công trình đường sắt	4211	
51.	Xây dựng công trình đường bộ	4212	
52.	Xây dựng công trình điện	4221	
53.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222	
54.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223	
55.	Xây dựng công trình công ích khác	4229	
56.	Xây dựng công trình thủy. Chi tiết: - Xây dựng công trình cửa như: + Đường thuỷ, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... + Đập và đê. - Xây dựng đường hầm.	4291	
57.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292	
58.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo. Chi tiết: - Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: + Các nhà máy lọc dầu, + Các xưởng hoá chất.	4293	
59.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: - Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời.	4299	
60.	Phá dỡ	4311	
61.	Chuẩn bị mặt bằng	4312	
62.	Lắp đặt hệ thống điện	4321	
63.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322	
64.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết:	4329	

	- Thi công lắp đặt các công trình bưu chính viễn thông; - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng.		
65.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330	
66.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: - Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, Thử độ ẩm và các công việc thử nước, Chống ẩm các toà nhà, Chôn chân trụ, Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, Uốn thép, Xây gạch và đặt đá, Lợp mái bao phủ toà nhà.	4390	
67.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511	
68.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512	
69.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513	
70.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520	
71.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530	
72.	Bán mô tô, xe máy	4541	
73.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: - Đại lý thương mại; - Môi giới thương mại.	4610	
74.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại cấm)	4620	
75.	Bán buôn thực phẩm	4632	
76.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;	4649	
77.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651	
78.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652	
79.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);	4659	

	- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;		
80.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: - Bán buôn sơn, vécni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - Bán buôn kính xây dựng;	4663	
81.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: - Bán buôn phân bón;	4669	
82.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741	
83.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4752	
84.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: - Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh	4759	
85.	Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;	4932	
86.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: - Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng;	4933	
87.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: - Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;	5510	
88.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: - Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;	5610	
89.	Hoạt động viễn thông khác. Chi tiết: - Hoạt động của các điểm truy cập internet; - Hoạt động viễn thông khác chưa được phân vào đâu.	6190	
90.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202	

91.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209	
92.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311	
93.	Cổng thông tin	6312	
94.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6399	
95.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: - Tư vấn đầu tư. *(Không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, tài chính, kiểm toán)*	6619	
96.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: - Tư vấn, môi giới bất động sản.	6820	
97.	**Hoạt động tư vấn quản lý**	**7020**	X
98.	Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: - Cho thuê ô tô;	7710	
99.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng	7730	
100.	Đại lý du lịch	7911	
101.	Điều hành tua du lịch	7912	
102.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990	
103.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130	
104.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230	
105.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh *(trừ mặt hàng Nhà nước cấm)* - Đầu tư khởi nghiệp sáng tạo *(theo quy định tại Nghị định 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp vừa và nhỏ khởi nghiệp sáng tạo)*	8299	
106.	Giáo dục nhà trẻ	8511	
107.	Giáo dục mẫu giáo	8512	
108.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512	
109.	Hoạt động quản lý quỹ. Chi tiết: - Quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo *(theo quy định tại Nghị định 38/2018/NĐ-CP ngày*	6630	

	11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp vừa và nhỏ khởi nghiệp sáng tạo)		

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2021/NQ-ĐHĐCĐ/HVA ngày tháng năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông)

Cần Thơ, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày 24 tháng 05 năm 2021.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. "*Vốn điều lệ*" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b. "*Luật Doanh nghiệp*" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, thay thế từng thời kỳ;

c. "*Luật Chứng khoán*" có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, thay thế từng thời kỳ;

d. "*Việt Nam*" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

đ. "*Ngày thành lập*" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu;

e. "*Người điều hành doanh nghiệp*" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác trong Ban Tổng Giám đốc Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;

f. "*Người quản lý doanh nghiệp*" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;

g. "*Người có liên quan*" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

h. "*Cổ đông lớn*" là cổ đông được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

i. "*Thời hạn hoạt động*" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng Nghị quyết.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA**
- Tên tiếng Anh: **HVA INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt:

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ: Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thanh phố Cần Thơ, Việt Nam.

– Điện thoại: 02923.826.688
– Fax:
– E-mail: contact@hva.group
– Website: http://hva.group

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 49 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 50 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật

1. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty áp dụng theo quy định tại Điều 12 Luật Doanh nghiệp 2020.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
1.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112	
2.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113	
3.	Trồng cây mía	0114	
4.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115	
5.	Trồng cây lấy sợi	0116	
6.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117	
7.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118	
8.	Trồng cây ăn quả	0121	
9.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122	
10.	Trồng cây điều	0123	
11.	Trồng cây hồ tiêu	0124	
12.	Trồng cây cao su	0125	
13.	Trồng cây cà phê	0126	
14.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128	
15.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131	
16.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132	
17.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141	
18.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142	
19.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144	
20.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145	
21.	Chăn nuôi gia cầm	0146	

22.	Chăn nuôi khác *(Trừ loại cấm)*	0149	
23.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150	
24.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161	
25.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162	
26.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163	
27.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164	
28.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210	
29.	Khai thác thuỷ sản nội địa	0312	
30.	Nuôi trồng thuỷ sản biển	0321	
31.	Nuôi trồng thuỷ sản nội địa	0322	
32.	Khai thác quặng sắt *(Chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền cho phép)*	0710	
33.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt *(Chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền cho phép)*	0722	
34.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét *(Chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền cho phép)*	0810	
35.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010	
36.	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản	1020	
37.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030	
38.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản	1080	
39.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511	
40.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012	
41.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: - Sản xuất vật liệu xây dựng	2392	
42.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410	
43.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý *(trừ loại cấm)*	2420	
44.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312	
45.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313	
46.	Sửa chữa thiết bị điện	3314	
47.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320	
48.	Xây dựng nhà để ở	4101	
49.	Xây dựng nhà không để ở	4102	
50.	Xây dựng công trình đường sắt	4211	
51.	Xây dựng công trình đường bộ	4212	
52.	Xây dựng công trình điện	4221	
53.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222	
54.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223	
55.	Xây dựng công trình công ích khác	4229	
56.	Xây dựng công trình thủy. Chi tiết:	4291	

	- Xây dựng công trình cửa như: + Đường thuỷ, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... + Đập và đê. - Xây dựng đường hầm.		
57.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292	
58.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo. Chi tiết: - Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: + Các nhà máy lọc dầu, + Các xưởng hoá chất.	4293	
59.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: - Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời.	4299	
60.	Phá dỡ	4311	
61.	Chuẩn bị mặt bằng	4312	
62.	Lắp đặt hệ thống điện	4321	
63.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322	
64.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: - Thi công lắp đặt các công trình bưu chính viễn thông; - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng.	4329	
65.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330	
66.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: - Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, Thử độ ẩm và các công việc thử nước, Chống ẩm các toà nhà, Chôn chân trụ, Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, Uốn thép, Xây gạch và đặt đá, Lợp mái bao phủ toà nhà.	4390	
67.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511	
68.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512	
69.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513	
70.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520	
71.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530	
72.	Bán mô tô, xe máy	4541	
73.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: - Đại lý thương mại;	4610	

	- Môi giới thương mại.		
74.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại cấm)	4620	
75.	Bán buôn thực phẩm	4632	
76.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;	4649	
77.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651	
78.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652	
79.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;	4659	
80.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: - Bán buôn sơn, vécni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - Bán buôn kính xây dựng;	4663	
81.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: - Bán buôn phân bón;	4669	
82.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741	
83.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4752	
84.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: - Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh	4759	
85.	Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;	4932	
86.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: - Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng;	4933	
87.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: - Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;	5510	
88.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết:	5610	

	- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;		
89.	Hoạt động viễn thông khác. Chi tiết: - Hoạt động của các điểm truy cập internet; - Hoạt động viễn thông khác chưa được phân vào đâu.	6190	
90.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202	
91.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209	
92.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311	
93.	Cổng thông tin	6312	
94.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6399	
95.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: - Tư vấn đầu tư. *(Không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, tài chính, kiểm toán)*	6619	
96.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: - Tư vấn, môi giới bất động sản.	6820	
97.	**Hoạt động tư vấn quản lý**	**7020**	**X**
98.	Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: - Cho thuê ô tô;	7710	
99.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng	7730	
100.	Đại lý du lịch	7911	
101.	Điều hành tua du lịch	7912	
102.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990	
103.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130	
104.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230	
105.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh *(trừ mặt hàng Nhà nước cấm)* - Đầu tư khởi nghiệp sáng tạo *(theo quy định tại Nghị định 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp vừa và nhỏ khởi nghiệp sáng tạo)*	8299	
106.	Giáo dục nhà trẻ	8511	
107.	Giáo dục mẫu giáo	8512	
108.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512	

109.	Hoạt động quản lý quỹ. Chi tiết: - Quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo *(theo quy định tại Nghị định 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp vừa và nhỏ khởi nghiệp sáng tạo)*	6630	

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

Sử dụng vốn đạt hiệu quả cao nhất, không ngừng tổ chức và phát triển hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực nhằm mục đích thu lợi nhuận tối đa, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, tạo việc làm ổn định và nâng cao đời sống thu nhập cho người lao động, làm tròn nghĩa vụ thuế đối với Ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty vững mạnh.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty được tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thông qua điều lệ này là: 56.500.000.000 đồng (Bằng chữ: *Năm mươi sáu tỷ, năm trăm triệu đồng*)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 5.600.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000đ/cổ phần

2. Công ty có thể tăng, giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Công ty có thể có các loại cổ phần khác như cổ phần chi phối, cổ phần đặc biệt và cổ phần ưu đãi theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

8. Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài:

Nhà đầu tư nước ngoài được phép sở hữu đến 100% vốn cổ phần của Công ty khi quy định của pháp luật cho phép.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần chưa bán theo quy định tại Khoản 4 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải

quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. Trường hợp không bán hết số cổ phần bị thu hồi, Công ty phải đăng ký giảm vốn điều lệ bằng giá trị mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán đủ theo quy định tại Điều 113 Luật Doanh nghiệp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ 12% một năm vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Mô hình tổ chức quản lý và hoạt động

Mô hình quản trị Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban Tổng Giám đốc;
4. Ủy ban kiểm toán.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

đ. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến chính cổ đông đó trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;

i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

(Các quyền đối với các loại cổ phần khác.)

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Yêu cầu Hội đồng quản trị kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra. Trong trường hợp này, việc kiểm tra do Ủy ban kiểm toán trực tiếp thực hiện và báo cáo;

đ. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị như sau:

a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

5. Cổ đông nước ngoài và cổ đông trong nước có các quyền và nghĩa vụ như nhau. Không hạn chế tỷ lệ sở hữu của cổ đông nước ngoài, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 13. Nghĩa vụ của Cổ đông

Các cổ đông có nghĩa vụ như sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;

3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;

5. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông họp thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn(04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp Báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, công ty đại chúng phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiêm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty đại chúng.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản kiến nghị. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 14 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 14;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 14 thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 14 Điều lệ này có quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc cơ quan khác theo quy định của pháp luật có thẩm quyền giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;

b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;

c. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
b. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
c. Quyết định mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
d. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
đ. Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty;
f. Quyết định bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
g. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
h. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán mỗi loại;
i. Xem xét, xử lý các vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
j. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
k. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
l. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;
m. Phê duyệt quy chế nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
n. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động công ty của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
p. Công ty hoặc chi nhánh của công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
q. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữ công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;
r. Thay đổi về ưu đãi, các đặc quyền của một loại hoặc các loại cổ phần của Công ty hoặc suy giảm về lợi ích của các cổ đông Công ty;
s. Thay đổi đáng kể về phạm vi, nội dung, bao gồm cả bất kỳ thay đổi đáng kể nào về định hướng chiến lược và/hoặc việc tham gia bất kỳ ngành nghề kinh doanh mới nào của Công ty;
t. Bất kỳ vấn đề nào liên quan đến việc niêm yết, hủy niêm yết của Công ty
u. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều 15 khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Các Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được uỷ quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;

b. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp. Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;

c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo được gửi đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước khai mạc (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp, và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

4. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Thông báo mời họp phải gửi kèm các tài liệu sau:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, tài liệu họp có thể thay thế bằng đăng tải lên trang tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu cho cổ đông khi có yêu cầu. Đồng thời, công ty phải cung cấp tài liệu theo phương thức gửi thư bảo đảm nếu có yêu cầu bằng văn bản của cổ đông.

6. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 6 Điều này trong các trường hợp sau:

a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trở lên;

c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;

Trường hợp này, người triệu tập họp phải trả lời cổ đông bằng văn bản chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và nêu rõ lý do của việc từ chối.

8. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

9. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 của Điều lệ này.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến

muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ toạ cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ toạ, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ toạ cuộc họp.

5. Quyết định của Chủ toạ về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

6. Chủ toạ Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ toạ quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ toạ đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều 20, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong só những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

8. Chủ tọa của đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

9. Hội đồng quản trị hoặc Người triệu tập họp khác có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.

10. Hội đồng quản trị hoặc Người triệu tập họp khác, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được cho là thích hợp để:

a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị/ Người triệu tập họp có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị/ Người triệu tập họp khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ toạ đại hội sẽ có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội");

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số cổ phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều này:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

đ) Tổ chức lại, giải thể công ty;

e) Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3 và 4 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

5. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty kể cả các trường hợp sau đây:

a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;

b. Định hướng phát triển công ty;

c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

đ. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức đảm bảo đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 Luật doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu đính kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 Luật doanh nghiệp.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các Cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị Quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật doang nghiệp;

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật này;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.

c) Thành viên Hội đồng quản trị của công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của trên năm (05) công ty khác, trừ trường hợp là thành viên Hội đồng quản trị của các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế hoặc là người đại diện của công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán..

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty chỉ được bầu không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả các thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty phải đảm bảo quy định sau:

a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên..

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 15% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử số lượng ứng viên tương đương với 1/5 tổng số lượng thành viên Hội đồng quản trị được bầu đảm bảo ít nhất là một (01) ứng viên; từ 15% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên hoặc tối đa số lượng ứng viên tương đương với 2/5 tổng số lượng thành viên Hội đồng Quản trị được bầu; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên hoặc tối đa số lượng ứng viên tương đương với 3/5 tổng số lượng thành viên Hội đồng Quản trị được bầu; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên hoặc tối đa số lượng ứng viên tương đương với 4/5 tổng số lượng thành viên Hội đồng Quản trị được bầu; và nếu từ 65% trở lên được đề cử tối đa đủ số lượng ứng viên tương đương với 100% số lượng thành viên Hội đồng Quản trị được bầu.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề

cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của công ty và được chấp thuận;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

e. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

5. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty..

Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó.

d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;

e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại người điều hành đó;

f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại; Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

g. Quyết định phương án phát hành trái phiếu hoặc các loại chứng chỉ ghi nợ khác, ngoại trừ phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và trái phiếu kèm chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quyết định;

h. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

i. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;

j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
k. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty; yêu cầu phá sản công ty;
l. Bất kỳ sửa đổi nào đối với các văn kiện thành lập của Công ty, trừ Điều lệ và các văn bản khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật;
m. Phê duyệt việc đầu tư, bán hoặc chuyển nhượng tất cả hoặc bất kỳ tài sản nào của Công ty có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi nhận trong Báo Cáo Tài Chính được kiểm toán gần nhất của Công Ty; Hội đồng quản trị có thể phân quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc phê duyệt việc đầu tư, bán hoặc chuyển nhượng tài sản nêu trên, việc phân quyền này được quy định cụ thể trong Quy chế tài chính hoặc văn bản khác do Hội đồng quản trị ban hành;
n. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
o. Phê duyệt thay đổi đáng kể về các phương pháp và chính sách kế toán của Công ty và các thay đổi về phương pháp kế toán thuế;
p. Phê duyệt việc thành lập bất kỳ tiểu ban nào trực thuộc Hội đồng quản trị, và việc trao bất kỳ quyền hạn nào của Hội đồng quản trị cho bất kỳ tiểu ban trực thuộc này;
q. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền;
r. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
s. Quyết định giải pháp phát triển thị thường, tiếp thị và công nghệ;
t. Ban hành, phê duyệt các Quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty ngoại trừ các văn bản thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
u. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
b. Thành lập các công ty con của Công ty;
c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 153 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thâu tóm công ty và liên doanh). Hội đồng quản trị có thể phân quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc phê duyệt theo mức giá trị của các hợp đồng này;
d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
e. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
f. Việc tham gia góp vốn thành lập, mua hoặc bán phần vốn góp, cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài. Hội đồng Quản trị có thể phân quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc phê duyệt theo tổng mức giá trị phần vốn, cổ phần dự kiến góp/mua/bán;

g. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

h. Việc công ty mua hoặc thu hồi cổ phần theo quy định tại Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;

i. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một hoặc một số Phó Chủ tịch (nếu cần thiết). Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ toạ Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm

nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

a. Có đề nghị của thành viên độc lập;

b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người điều hành khác;

c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d. Có đề nghị của Ủy ban kiểm toán.

Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị được quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị khi xét thấy cần thiết.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 29 phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 29 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Địa điểm họp. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

6. Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

7. Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị dự họp hoặc qua người đại diện thay thế. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Biểu quyết.

a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều 29, mỗi thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

• Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

• Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;

• Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

• Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết.

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 9 Điều 29, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ toạ cuộc họp và phán quyết của chủ toạ liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a, điểm b Khoản 4 Điều 37 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

12. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp.

13. Việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản phải đảm bảo nguyên tắc sau đây:

a. Phiếu lấy ý kiến phải gửi cho tất cả các thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;

b. Số lượng thành viên gửi Phiếu đã có ý kiến biểu quyết về Công ty không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị;

c. Nghị quyết được thông qua theo nguyên tắc đa số phiếu tính trên tổng số phiếu biểu quyết gửi về Công ty.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

14. Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của Chủ tọa và thư ký cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký liên đới chịu trách nhiệm về nội dung Biên bản họp. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật, Điều lệ này thì biên bản này có hiệu lực.

15. Nghị quyết bằng văn bản do Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị cuộc họp tương ứng thay mặt cho Hội đồng quản trị ban hành, trừ trường hợp các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp đã thống nhất khác đi và được thể hiện tại Biên bản họp.

16. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

Điều 29B. Các tiểu ban khác trực thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban khác trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị trong các phạm vi hoạt động cụ thể khi thực thi quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị.

2. Các tiểu ban khác được thành lập khi có nghị quyết chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông hoặc được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền.

3. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định tùy thuộc vào tính chất công việc của từng tiểu ban nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên độc lập Hội đồng quản trị được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

4. Việc thực thi quyết định của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên tiểu ban có thể có sai xót.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 30. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

Điều 31. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác (nếu có).

2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên..

Điều 31A. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và theo quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không được phép là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

3. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

đ. Vào ngày 30 tháng 10 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

e. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

h. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật.

4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.

Điều 33. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tuỳ từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.

3. Tham dự các cuộc họp.

4. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.

5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 34. Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng quản trị. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Hội đồng quản trị đề cử và bổ nhiệm Chủ tịch Ủy bản kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập, phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

3. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của công ty và không thuộc cáp trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

4. Ủy ban kiểm toán có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của công ty;
b. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;
c. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
d. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty;
đ. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;
e. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;
f. Giám sát nhằm bảo đảm công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của công ty;
g. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.
h. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.
i. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.
k. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.
l. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
m. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.

Điều 35. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.
2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty hoặc Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 36. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 37. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của công ty.

3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành Công ty, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành Công ty hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc và Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:

a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc

b. Đối với những hợp đồng có giá trị từ 35% trở lên của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của công ty hoặc công ty con của công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 38. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện

do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 39. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 40. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương , bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 41. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 42. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 43. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 44. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 45. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 47 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp

4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 46. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 47. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVII. CON DẤU

Điều 48. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.

2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 49. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;

c. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật quản lý thuế có quy định khác;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 50. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 51. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước..

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

a. Cổ đông với Công ty; hoặc

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 45 ngày từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 53. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 54. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 54 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư HVA nhất trí thông qua ngày 24 tháng 05 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau.

3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Cần Thơ, ngày 24 tháng 05 năm 2021

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Chủ tịch Hội đồng quản trị

LÊ HOÀI NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 08/2021/TTr-HVA	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
	Hà Nội, ngày 03 tháng 05 năm 2021

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
V/v Cập nhật, bổ sung Quy chế quản trị Công ty

Kính gửi: **Quý Cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư HVA**

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 về hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư HVA;*
- *Quy chế quản trị Công ty.*

Căn cứ quy định của pháp luật hiện hành và yêu cầu thực tiễn về tổ chức và hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị ("HĐQT") kính trình Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") xem xét thông qua Quy chế quản trị Công ty *(đính kèm tờ trình này)* để thay thế cho Quy chế quản trị công ty ngày 22/09/2017.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 chấp thuận thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT, Ban TGĐ;
- Lưu Công ty.

LÊ HOÀI NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2021/NQ-ĐHĐCĐ/HVA ngày tháng năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông)

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế quản trị Công ty áp dụng cho Công ty cổ phần Đầu tư HVA. Quy chế này được xây dựng theo quy định của:

a. Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 ("Luật doanh nghiệp") và các văn bản sửa đổi, thay thế từng thời kỳ;

b. Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, thay thế từng thời kỳ;

c. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;

d. Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

d. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư HVA.

2. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về Quản trị Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi đạo đức nghề nghiệp của các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Người quản lý và Người điều hành doanh nghiệp của Công ty.

3. Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện Quản trị Công ty của Công ty cổ phần Đầu tư HVA.

4. Trường hợp có sự mâu thuẫn giữa quy định của pháp luật và Quy chế này hoặc Văn bản khác của Công ty thì thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. "**Quản trị công ty**": là hệ thống các nguyên tắc bao gồm:

- Tuân thủ quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
- Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Đảm bảo quyền lợi hợp pháp của cổ đông và những người có liên quan;
- Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò, trách nhiệm của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
- Đảm bảo công khai, minh bạch trong hoạt động của Công ty.

b. "**Công ty**" là Công ty cổ phần Đầu tư HVA;

c. "**Hội đồng quản trị**" ("HĐQT"): là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ");

d. "**Ban Tổng giám đốc**" ("Ban TGĐ"): bao gồm Tổng Giám đốc ("TGĐ"), các Phó Tổng Giám đốc ("PTGĐ"), Giám đốc các phòng ban ("GĐ") của công ty;

e. "**Cổ đông**" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một (01) cổ phần của Công ty;

f. "**Cổ đông lớn**" là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty;

g. "**Ủy ban Kiểm toán**" ("UBKT"): là Ban tham mưu và hỗ trợ cho HĐQT, do HĐQT thành lập và trực thuộc HĐQT theo quy định của pháp luật;

h. "**Người điều hành**" của công ty bao gồm: TGĐ, PTGĐ, GĐ Tài chính, Kế toán trưởng, các GĐ/Người phụ trách cao nhất các Khối trong Công ty theo mô hình tổ chức công ty tùy từng thời điểm;

i. "**Người có liên quan**" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;

k. "**Người nội bộ**": là các cá nhân được quy định tại Khoản 45, Điều 6 Luật Chứng khoán;

l. "**Người quản lý công ty**" bao gồm:

- Chủ tịch HĐQT Công ty và các thành viên HĐQT;
- Ban TGĐ;
- Kế toán trưởng;
- Người quản lý khác được HĐQT phê chuẩn tại từng thời điểm;

m. "**Thành viên HĐQT không điều hành**" là Thành viên HĐQT không phải là Người điều hành của Công ty;

n. "**Thành viên độc lập HĐQT**": là thành viên HĐQT đáp ứng các điều kiện theo quy định của Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều 16 của Quy chế này.

p. "**Người phụ trách quản trị công ty**" và "**Thư ký công ty**" là người có vai trò và nhiệm vụ được quy định tại Điều 31A và Điều 33 Điều lệ Công ty.

2. Những từ ngữ không được giải thích trong Quy chế này thì được hiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

3. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó tùy từng thời điểm.

Điều 3. Mục đích

Mục đích của việc ban hành Quy chế quản trị công ty là triển khai những nguyên tắc quản trị công ty được quy đinh bởi các văn bản pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty trong hoạt động quản trị thực tế, bảo đam hoạt động quản trị công ty tuân thủ pháp luật, hiệu quả, hướng tới sự phát triển bền vững.

CHƯƠNG II
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty, đặc biệt là:

a. Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của ĐHĐCĐ;

b. Quyền được đối xử công bằng: Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được ĐHĐCĐ thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

c. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và bất thường về hoạt động của Công ty do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

d. Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiền quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa qua văn bản hoặc thông qua hệ thống điện tử do Công ty áp dụng;

e. Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông trong Công ty.

2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty, cổ đông có quyền đề nghị hủy một phần (hoặc toàn bộ) các quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp quyết định vi phạm pháp luật nêu trên gây tổn hại tới Công ty thì HĐQT, Ban TGĐ phải bồi thường cho Công ty theo trách nhiệm của mình.

Điều 5. Cuộc họp ĐHĐCĐ và triệu tập Cuộc họp ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên:

a. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm 01 lần, và phải được tổ chức trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị có quyền gia hạn thời gian tổ chức Hội nghị thường niên của ĐHĐCĐ trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

b. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường:

Việc triệu tập Cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường được thực hiện theo các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty.

3. Trình tự, thủ tục triệu tập Cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường thực hiện như sau:

a. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày xảy ra sự kiện quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 14 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty;

b. Trường hợp HĐQT không triệu tập Cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường trong thời hạn được quy định tại điểm a Khoản này, thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Thành viên HĐQT độc lập giữ chức vụ Chủ tịch UBKT thay thế HĐQT triệu tập Cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Thành viên HĐQT độc lập giữ chức vụ Chủ tịch UBKT không triệu tập Cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường trong thời hạn được quy định tại điểm b Khoản này, thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Cổ đông, Nhóm cổ đông yêu cầu triệu tập Hội nghị có quyền thay thế HĐQT triệu tập Cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định Luật Doanh nghiệp.

Điều 6. Chuẩn bị Cuộc họp ĐHĐCĐ

1. Nhiệm vụ của người triệu tập Cuộc họp ĐHĐCĐ

Người triệu tập Cuộc họp ĐHĐCĐ, có thể tự mình hoặc thông qua những người được phân công phụ trách, thực hiện những nhiệm vụ sau:

a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c. Chuẩn bị chương trình và nội dung cuộc họp;

d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
đ. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
e. Xác định thời gian và địa điểm họp;
g. Lập Thông báo và gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp;
h. Công việc khác phục vụ cuộc họp.
2. Lập danh sách cổ đông dự họp:
a. HĐQT công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại Cuộc họp ĐHĐCĐ trên website Công ty. Nội dung thông tin công bố phải ấn định ngày đăng ký cuối cùng để chốt Danh sách cổ đông dự họp;
b. Thông báo chốt danh sách cổ đông dự họp phải được công bố thông tin tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
c. Danh sách cổ đông dự họp do Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (Gọi tắt là: "VSD") lập tại ngày đăng ký cuối cùng theo thông báo chốt danh sách;
d. Chỉ những người có tên trong Danh sách cổ đông dự họp được lập tại ngày đăng ký cuối cùng mới được nhận các quyền liên quan đến cổ phần mà mình sở hữu.
3. Thông báo mời họp:
a. Căn cứ trên danh sách cổ đông dự họp, HĐQT gửi Thông báo mời họp cho các Cổ đông trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được danh sách cổ đông dự họp từ VSD.
b. Thông báo mời họp phải chứa các nội dung sau:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; tên, địa chỉ liên lạc đối với cổ đông là cá nhân;
- Thời gian, địa điểm tổ chức Cuộc họp;
- Nội dung Chương trình họp;
- Địa chỉ website và vị trí đăng tải Tài liệu phục vụ Cuộc họp;
- Thông tin liên lạc của Công ty để Cổ đông đăng ký tham dự, hoặc ủy quyền tham dự Cuộc họp.
c. Thông báo được gửi đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước khai mạc (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).
d. Thông báo mời họp và dự kiến chương trình họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.
4. Nội dung Chương trình họp ĐHĐCĐ:
a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
b. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến điểm a khoản này nếu:
a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trở lên;
c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;
Trường hợp này, người triệu tập họp phải trả lời cổ đông bằng văn bản chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và nêu rõ lý do của việc từ chối.
5. Tài liệu phục vụ Cuộc họp ĐHĐCĐ
a. Các tài liệu phục vụ cuộc họp ĐHĐCĐ được đăng tải trên website của Công ty chậm nhất 21 ngày trước ngày diễn ra cuộc họp ĐHĐCĐ để cổ đông có thể xem xét. Địa chỉ và vị trí đăng tải Tài liệu được ghi rõ trong Thông báo mời họp cuộc họp ĐHĐCĐ;
b. Công ty phát trực tiếp Tài liệu phục vụ Cuộc họp ĐHĐCĐ bản giấy và Phiếu biểu quyết tại Hội nghị cho Cổ đông hoặc Người được ủy quyền của Cổ đông tham dự Cuộc họp.
6. Tạm hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ:
HĐQT quyết định tạm hoãn Cuộc họp ĐHĐCĐ trong trường hợp xảy ra các sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan, bao gồm nhưng không giới hạn trong các trường hợp sau: thiên tai, dịch bệnh, dịch họa, mệnh lệnh hành chính của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, làm ảnh hưởng đến công tác tổ chức Cuộc họp. Thông báo tạm hoãn phải được ban hành trước ngày dự kiến khai mạc cuộc họp, phải được công bố thông tin, đăng tải trên website của Công ty và/hoặc áp dụng các phương thức khác để Cổ đông có thể tiếp cận được nội dung Thông báo.

Điều 7. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ

1. Cổ đông có tên trong Danh sách cổ đông dự họp có quyền trực tiếp hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự, biểu quyết tại Cuộc họp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện. Trưởng hợp cổ đông không xác định phần vốn góp, số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, phần vốn góp, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.
2. Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông để tham dự và biểu quyết tại Cuộc họp ĐHĐCĐ được lập thành văn bản theo mẫu Công ty, phải thông báo cho Công ty, chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được thông báo. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự ĐHĐCĐ không được ủy quyền lại cho người khác tham dự ĐHĐCĐ.
3. Khi tham dự Đại hội, Cổ đông, Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải mang theo và xuất trình Thông báo mời họp, Giấy tờ chứng thực cá nhân, Giấy ủy quyền và các giấy tờ liên quan khác (nếu có) để Ban Tổ chức kiểm tra và thực hiện thủ tục đăng ký tham dự Cuộc họp.

Điều 8. Trình tự Cuộc họp ĐHĐCĐ

1. Đại biểu và khách mời tham dự Cuộc họp:
HĐQT có thể mời một số Cơ quan quản lý Nhà nước, Kiểm toán độc lập, Ngân hàng, Tổ chức tín dụng, Đối tác, Chuyên gia và các cá nhân, tổ chức khác không sở hữu cổ phần của Công ty đến tham dự để dự thính, quan sát, hoặc cho ý kiến (khi Đoàn chủ tọa có yêu cầu) tại Cuộc họp.
2. Đăng ký cổ đông tham dự Đại hội:
a. Việc đăng ký Cổ đông/Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông tham dự phải được thực hiện trước khi khai mạc Đại hội cho đến khi Cổ đông/Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông có mặt đăng ký hết;
b. Cổ đông/Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông sau khi đăng ký sẽ được cấp 01 phiếu biểu quyết. Phiếu biểu quyết có các nội dung sau: Họ tên Cổ đông/Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông; Số cổ phần có quyền biểu quyết của Cổ đông đó; và có đóng dấu Công ty;

c. Trường hợp Cuộc họp ĐHĐCĐ có tổ chức bầu cử, Cổ đông/Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông sẽ được cấp thêm 01 Phiếu bầu cử. Phiếu bầu cử có các nội dung sau: Họ tên Cổ đông/Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông; Số cổ phần có quyền biểu quyết của Cổ đông đó; Tổng số phiếu bầu của Cổ đông; Danh sách các ứng viên cần bầu cử; và có đóng dấu của công ty;

d. Cổ đông/Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông đến dự Đại hội sau khi đã khai mạc thì vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngày sau khi đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

3. Kiểm tra và công bố về tỷ lệ tham dự Cuộc họp:

a. HĐQT chỉ định Phụ trách quản trị Công ty, Thư ký công ty hoặc người khác chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra, thống kê tỷ lệ tham dự Đại hội trong quá trình diễn ra Cuộc họp;

b. Tỷ lệ tham dự Đại hội phải được công bố sau khi kết thúc việc đăng ký cổ đông tham dự và trước mỗi lần chuẩn bị lấy ý kiến biểu quyết của Cổ đông.

4. Thủ tục khai mạc Đại hội:

a. Cuộc họp ĐHĐCĐ được khai mạc khi tỷ lệ tham dự Đại hội đạt đủ điều kiện theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;

b. Ban Tổ chức phải công bố tỷ lệ tham dự Đại hội được thống kê đến thời điểm khai mạc Cuộc họp;

c. ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua thành phần Đoàn chủ tọa và Ban Kiểm phiếu theo đề xuất từ HĐQT. Đoàn Chủ tọa chỉ định Ban Thư ký để ghi nhận Biên bản và Nghị quyết cuộc họp;

d. Kể từ thời điểm Đoàn chủ tọa được thành lập, Chủ tọa thực hiện quyền điều hành và quyết định toàn bộ vấn đề phát sinh tại Cuộc họp;

e. Chương trình và nội dung chính của Cuộc họp ĐHĐCD được thông báo đến Cổ đông trong Tài liệu phục vụ Đại hội phải được thông qua trong phiên khai mạc. Chủ tọa điều hành việc ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua chương trình và nội dung chính của Cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung chính của Đại hội:

a. Các diễn biến của Cuộc họp đều phải được thực hiện theo đúng chương trình và nội dung chính của cuộc họp đã được ĐHĐCĐ thông qua;

b. Trường hợp phát sinh các vấn đề, sự kiện ngoài chương trình và nội dung chính cuộc họp, Chủ tọa có toàn quyền quyết định và thực hiện biện pháp cần thiết, hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

c. Chủ tọa có quyền hoãn Cuộc họp ĐHĐCĐ đang được tổ chức đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp được quy định tại Khoản 6 Điều 20 Điều lệ Công ty.

6. Thảo luận và giải đáp thắc mắc tại Cuộc họp:

a. Cổ đông/Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông thảo luận các vấn đề thuộc phạm vi nội dung chương trình, thời gian đã được ĐHĐCĐ thông qua và theo quyết định của Chủ tọa. Cổ đông/Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông đăng ký nội dung thảo luận theo mẫu "Phiếu đăng ký nội dung thảo luận và đóng góp ý kiến" và chuyển về cho Ban thư ký trình Chủ tọa xem xét, giải đáp;

b. Chủ tọa có quyền từ chối trả lời trong trường hợp các ý kiến không được đăng ký, không phù hợp với nội dung chương trình đã được thông qua hoặc đã hết thời gian thảo luận, phát biểu ý kiến;

c. Thắc mắc của cổ đông sẽ được Chủ tọa trả lời trực tiếp tại Cuộc họp. Việc trả lời sẽ được đảm bảo trong thời gian của nội dung chương trình Đại hội đã được thông qua hoặc theo quyết định của Chủ tọa. Trường hợp các ý kiến không được trả lời hết trong khuôn khổ thời gian của chương trình sẽ

được HĐQT trả lời bằng văn bản và đăng công khai lên website của Công ty trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc Cuộc họp.

7. Biểu quyết các nội dung trình ĐHĐCĐ thông qua và bầu cử (nếu có):

a. ĐHĐCĐ biểu quyết từng nội dung mà HĐQT trình ĐHĐCĐ thông qua;

b. Đoàn chủ tọa điều hành thủ tục biểu quyết các nội dung trình ĐHĐCĐ;

c. Ban kiểm phiếu và những nhân sự được phân công phụ trách kiểm phiếu chịu trách nhiệm hướng dẫn Cổ đông/Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông thực hiện quyền biểu quyết theo sự điều hành của Đoàn Chủ tọa;

d. Trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ có tổ chức bầu cử, Cổ đông/Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông thực hiện việc bầu cử theo nguyên tắc bỏ phiếu kín vào Thùng phiếu. Ban tổ chức sẽ chuẩn bị thùng phiếu phục vụ bầu cử. Ban kiểm phiếu phải tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi có hiệu lệnh từ Đoàn Chủ tọa và kết thúc khi Cổ đông/Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông cuối cùng bỏ Phiếu bầu vào thùng phiếu;

e. Cách thức biểu quyết được hướng dẫn chi tiết tại Điều 9 của Quy chế này.

8. Kiểm phiếu, công bố kết quả biểu quyết/kết quả bầu cử:

a. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm chính trong việc thống kê kết quả biểu quyết/kết quả bầu cử. Đoàn Chủ tọa phân công một số nhân sự giúp việc, hỗ trợ Ban kiểm phiếu để thực hiện thủ tục kiểm phiếu, thống kê kết quả biểu quyết/ bầu cử.

b. Việc thống kê kết quả biểu quyết/ bầu cử thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Kết quả biểu quyết/ bầu cử được thống kê ngày sau khi thủ tục biểu quyết/ bầu cử kết thúc;
- Ban Kiểm phiếu chỉ thống kê những Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu hợp lệ;
- Ban kiểm phiếu có thể sử dụng phương tiện kỹ thuật điện tử và chuyên viên kỹ thuật hỗ trợ trong việc kiểm phiếu;
- Kết quả kiểm phiếu được lập thành Biên bản kiểm phiếu, có chữ ký của các thành viên Ban kiểm phiếu và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước ĐHĐCĐ.

c. Nội dung Biên bản kiểm phiếu gồm các nội dung sau:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- Tổng số cổ đông tham dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu;
- Số và tỷ lệ Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu hợp lệ; Số và tỷ lệ Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu không hợp lệ;
- Số phiếu và tỷ lệ biểu quyết (tán thành, không tán thành và không có ý kiến) đối với từng nội dung trình ĐHĐCĐ (trường hợp ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua các nội dung); Số phiếu và tỷ lệ bầu cho từng thành viên (trong trường hợp ĐHĐCĐ có thực hiện thủ tục bầu cử);
- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

d. Trưởng ban Kiểm phiếu đọc kết quả kiểm phiếu sau khi hoàn tất kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu được công bố trên website của Công ty trong vòng 24 giờ làm việc, kể từ thời điểm thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

9. Thông qua dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ:

a. Đoàn Chủ tọa ủy quyền cho 01 Thành viên thuộc Ban Thư ký đọc toàn văn dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ ghi nhận các nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua;

b. ĐHĐCĐ biểu quyết phê chuẩn toàn văn Nghị quyết của ĐHĐCĐ theo sự điều hành của Đoàn Chủ tọa.

10. Bế mạc Cuộc họp

a. Chủ tọa tuyên bố bế mạc Cuộc họp ĐHĐCĐ sau khi: (i) Tất cả các nội dung trong chương trình Cuộc họp đã được thảo luận, biểu quyết; và (ii) Kết quả biểu quyết đã được công bố;

b. Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc Cuộc họp, Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung Biên bản.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

11. Các công việc thực hiện sau khi kết thúc Cuộc họp ĐHĐCĐ bao gồm:

a. Công bố thông tin Biên bản Cuộc họp ĐHĐCĐ và Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Biên bản và Nghị quyết phải được công bố thông tin và được đăng tải lên website của Công ty trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm kết thúc Cuộc họp;

b. Đăng tải Biên bản Kiểm phiếu của Ban kiểm phiếu lên website Công ty. Biên bản Kiểm phiếu phải được đăng tải trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm kết thúc Cuộc họp;

c. Thực hiện công tác lưu trữ, bảo mật đối với:

- Toàn bộ tài liệu, thông báo, văn bản, chứng từ do Công ty ban hành liên quan đến Cuộc họp;
- Các Giấy xác nhận tham dự Cuộc họp và các Văn bản/Thông báo ủy quyền tham dự Cuộc họp của Cổ đông;
- Danh sách Cổ đông/Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông tham dự Hội nghị;
- Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu, Phiếu đăng ký nội dung thảo luận và đóng góp ý kiến của Cổ đông;
- Biên bản Cuộc họp ĐHĐCĐ, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Biên bản kiểm phiếu của Ban kiểm phiếu.

Điều 9. Cách thức biểu quyết, bầu cử trong Cuộc họp ĐHĐCĐ

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, công ty phát cho từng cổ đông, người được ủy quyền, đại diện theo ủy quyền dự họp 01 (một) phiếu biểu quyết, (01) phiếu bầu cử (trong trường hợp ĐHĐCĐ bầu HĐQT). Phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử có thẻ được mã hóa các thông tin của cổ đông (tên, mã cổ đông, số cổ phần sở hữu…) để phục vụ kiểm phiếu bằng phần mềm máy tính. Tất cả các cổ đông đã làm thủ tục đăng ký tham dự được quyền tham gia phát biểu ý kiến và biểu quyết các vấn đề trong nội dung chương trình họp ĐHĐCĐ.

2. Cách thức biểu quyết: Việc biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ được thực hiện theo các quy định sau:

- Biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu: Các nội dung biểu quyết được ghi trong phiếu biểu quyết sẽ được cổ đông, đại diện theo ủy quyền hoặc người được ủy quyền dự họp biểu quyết bằng việc lựa chọn phương án tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến vào từng nội dung cần lấy ý kiến;
- Các cổ đông bỏ phiếu theo nguyên tắc sau:

+ Việc bỏ phiếu được bắt đầu kể từ khi có hiệu lệnh của chủ tọa cuộc họp hoặc Trưởng ban kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông, đại diện theo ủy quyền hoặc người được ủy quyền dự họp cuối cùng bỏ phiếu vào thùng phiếu hoặc sau 30 phút kể từ thời điểm bắt đầu bỏ phiếu tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được niêm phong;

+ Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và thùng phiếu được niêm phong.

Điều 10. Cách thức kiểm phiếu

Ban kiểm phiếu thu lại Phiếu biểu quyết của các cổ đông và tiến hành đếm các Phiếu biểu quyết hợp lệ. Sau khi đếm số phiếu thì Ban kiểm phiếu có trách nhiệm tổng hợp và ghi nhận vào Biên

bản kiểm phiếu, biên bản kiểm phiếu phải được lập hợp lệ và có chữ ký của tất cả các thành viên của ban kiểm phiếu.

Điều 11. Thông báo kết quả kiểm phiếu

- Sau khi tiến hành kiểm phiếu, kết quả biểu quyết từng vấn đề của ĐHĐCĐ được Trưởng ban kiểm phiếu đọc ngay tại cuộc họp.
- Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu và tỷ lệ tán thành đối với từng vấn đề được trình tại ĐHĐCĐ.
- Việc biểu quyết thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Khoản 3, Điều 21 Điều lệ Công ty.

Điều 12. Biên bản Cuộc họp ĐHĐCĐ và Nghị quyết của ĐHĐCĐ

1. Biên bản Cuộc họp ĐHĐCĐ:

a. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể được ghi âm hoặc ghi hành và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác, gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- Số lượng và tỷ lệ cổ phần tham dự Đại hội;
- Thành phần Đoàn Chủ tọa, Ban kiểm phiếu và Ban Thư ký;
- Chương trình và nội dung cuộc họp;
- Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

b. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc Cuộc họp. Việc công bố thông tin có giá trị thay thế cho việc gửi Biên bản đến tất cả các Cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

c. Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc, nội dung đã được tiến hành tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

2. Nghị quyết của ĐHĐCĐ:

a. Nghị quyết của ĐHĐCĐ là hình thức cụ thể hóa các nội dung đã được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua tại Cuộc họp ĐHĐCĐ. Nghị quyết của ĐHĐCĐ được ban hành căn cứ trên Biên bản Cuộc họp ĐHĐCĐ;

b. Các nội dung đã được ghi nhận trong Nghị quyết của ĐHĐCĐ có giá trị thực hiện kể từ thời điểm được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua;

c. Trường hợp có các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết trước đó nhưng chưa được thực hiện hoặc đang được thực hiện, thì HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ tại Đại hội thường niên gần nhất và báo cáo đó phải được ĐHĐCĐ thông qua;

d. Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc Cuộc họp. Việc công bố thông tin có giá trị thay thế cho việc gửi Nghị quyết đến tất cả các Cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

e. Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bởi 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập Đại hội và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

f. Trường hợp có Cổ đông, nhóm Cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ Nghị quyết ĐHĐCĐ theo quy định của Luật doanh nghiệp, thì Nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Quyết định hủy bỏ Nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 13. Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến

1. HĐQT quyết định triệu tập Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến thay cho hình thức Đại hội trực tiếp trong các trường hợp xảy ra các sự kiện không thuận lợi hoặc khó khăn cho việc tổ chức Đại hội trực tiếp.

2. Trường hợp HĐQT quyết định triệu tập Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến, HĐQT phải xây dựng, ban hành Quy chế Tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ theo hình thức trực tuyến. Quy chế phải được công bố thông tin, đăng tải trên website của Công ty ít nhất 21 ngày trước ngày diễn ra Đại hội.

3. Quy chế Tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ theo hình thức trực tuyến phải tuân thủ các điều kiện, nguyên tắc về thể thức và trình tự, thủ tục của Đại hội được quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty. Quy chế bao gồm các nội dung cơ bản sau:

a. Trình tự, thủ tục để Cổ đông thực hiện quyền đăng ký tham dự, ủy quyền tham dự Đại hội và truy cập, tiếp cận nội dung, diễn biến của Đại hội;

b. Cách thức để Cổ đông thảo luận, đặt câu hỏi, đóng góp ý kiến trong quá trình diễn ra Đại hội;

c. Cách thức để Cổ đông thực hiện bỏ phiếu từ xa (như: Bỏ phiếu điện tử, Gửi Phiếu biểu quyết thông qua bưu điện, phương tiện điện tử);

d. Trình tự, thủ tục và thời hạn tiếp nhận Phiếu biểu quyết của Cổ đông trong trường hợp có thực hiện thủ tục bỏ phiếu từ xa.

Điều 14. Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty kể cả các trường hợp sau đây:

a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;

b. Định hướng phát triển công ty;

c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

đ. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.

2. Trình tự, thủ tục tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản; Phương thức biểu quyết bằng Văn bản; và Trình tự triển khai việc kiểm phiếu đối với các ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty.

3. HĐQT thành lập Ban kiểm phiếu đối với trường hợp tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản. Thành phần của Ban kiểm phiếu tối thiểu gồm:

a. Chủ tịch HĐQT – Trưởng Ban kiểm phiếu;

b. Các Thành viên UBKT thuộc HĐQT;

c. Phụ trách quản trị Công ty;

d. Thư ký Công ty.

Điều 15. Chi phí tổ chức Cuộc họp ĐHĐCĐ và lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

1. Công ty chi trả các chi phí cần thiết liên quan đến việc triệu tập và tổ chức Cuộc họp ĐHĐCĐ và lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

2. Cổ đông/Người đại diện ủy quyền của Cổ đông khi tham dự Cuộc họp ĐHĐCĐ tự chịu các chi phí liên quan đến ăn ở, đi lại.

CHƯƠNG III
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Tiêu chuẩn và điều kiện của Thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;

c. Thành viên Hội đồng quản trị của công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của trên năm (05) công ty khác, trừ trường hợp là thành viên Hội đồng quản trị của các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế hoặc là người đại diện của công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán;

2. Thành viên HĐQT không điều hành phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a. Đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện để trở thành Thành viên HĐQT tại Khoản 1 Điều này; và

b. Không đồng thời nắm giữ các vị trí quản lý – điều hành trong cơ cấu tổ chức của Điều lệ.

3. Thành viên HĐQT độc lập phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a. Đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện để trở thành Thành viên HĐQT không điều hành tại Khoản 2 Điều này;

b. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

c. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

d. Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

e. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

f. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

Điều 17. Thủ tục đề cử, bầu cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Cách thức đề cử ứng viên HĐQT:

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng viên Hội đồng quản trị theo cơ chế sau:

- Từ 10% đến dưới 15% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử số lượng ứng viên tương đương với 1/5 tổng số lượng thành viên Hội đồng quản trị được bầu đảm bảo ít nhất là một (01) ứng viên;
- Từ 15% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên hoặc tối đa số lượng ứng viên tương đương với 2/5 tổng số lượng thành viên Hội đồng Quản trị được bầu;
- Từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên hoặc tối đa số lượng ứng viên tương đương với 3/5 tổng số lượng thành viên Hội đồng Quản trị được bầu;
- Từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên hoặc tối đa số lượng ứng viên tương đương với 4/5 tổng số lượng thành viên Hội đồng Quản trị được bầu;
- Từ 65% trở lên được đề cử tối đa đủ số lượng ứng viên tương đương với 100% số lượng thành viên Hội đồng Quản trị được bầu.

b. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên theo quy định tại Điều lệ Công ty. Danh sách ứng viên và các thông tin chi tiết/Sơ yếu lý lịch phải được gửi cho các cổ đông trước khi chính thức bầu cử. Các tiêu chuẩn, điều kiện của các ứng viên này đảm bảo không thấp hơn so với các tiêu chuẩn, điều kiện chung đã công bố trước đó.

2. Hồ sơ cần thiết để đề cử ứng viên HĐQT bao gồm:

- Thư đề cử, ứng cử vào chức danh thành viên HĐQT (theo mẫu);
- Bản cung cấp thông tin (theo mẫu, có dán ảnh);
- Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/Hộ chiếu;
- Bản sao hợp lệ các văn bằng, chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn;
- Giấy ủy quyền và/hoặc Biên bản họp nhóm (nếu ứng cử viên được nhóm ủy quyền ứng cử) và tài liệu xác thực chữ ký của cổ đông, nhóm cổ đông.

3. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty đại chúng phải Công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên website của Công ty, để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bầu cử. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ chuyên môn;

c. Quá trình công tác;

d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ. Thông tin người có liên quan;

e. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty.

4. Cơ chế bầu cử HĐQT

Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu

tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

5. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT:

a. ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
- Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của công ty và được chấp thuận;
- Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- Các trường hợp khác theo quy định pháp luật hiện hành.

b. ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

- Thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

6. Bầu bổ sung Thành viên HĐQT:

HĐQT phải triệu tập Cuộc họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong các trường hợp sau đây:

a. Số thành viên HĐQT đương nhiệm bị giảm quá 1/3 so với số lượng đã được ĐHĐCĐ thông qua. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3;

b. Số lượng thành viên HĐQT độc lập giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 quy chế này;

c, Trừ trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản này, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

7. Công bố thông tin về việc bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT:

Công ty thực hiện thủ tục công bố thông tin và đăng tải lên website của công ty việc bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Thành viên HĐQT theo quy định tại Luật chứng khoán hiện hành.

Điều 18. Cơ chế tổ chức và hoạt động của các tiểu ban trực thuộc HĐQT

HĐQT thành lập các Tiểu ban để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của HĐQT. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định tùy thuộc vào tính chất công việc của từng tiểu ban nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên độc lập Hội đồng quản trị được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị**.**

Điều 19. Phụ trách quản trị Công ty

1. HĐQT bổ nhiệm 01 Phụ trách quản trị Công ty để cố vấn, tham mưu cho HĐQT trong việc thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ của HĐQT và trong quan hệ giữa HĐQT với ĐHĐCĐ. Phụ trách quản trị Công ty được bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm bằng Nghị quyết HĐQT.

2. Phụ trách Quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Am hiểu về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và theo quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quản lý, điều phối tất cả vấn đề hậu cần, tài liệu, diễn biến, truyền đạy và công bố thông tin liên quan đến các cuộc họp HĐQT, ĐHĐCĐ;

b. Tư vấn cho HĐQT, các thành viên HĐQT, các Tiểu ban trực thuộc HĐQT để đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều lệ, Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán hiện hành;

c. Cố vấn cho HĐQT và tổ chức triển khai các nghiệp vụ liên quan đến: Cổ đông, quan hệ cổ đông, công bố thông tin, bảo mật thông tin, pháp chế, giám sát tuân thủ, tổ chức cán bộ, chính sách, tái cấu trúc, nhằm đáp ứng các yêu cầu được quy định tại Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và pháp luật hiện hành;

d. Giám sát việc thực hiện công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, truyền đạt thông tin của HĐQT đến các đơn vị có trách nhiệm liên quan và công tác quan hệ cổ đông;

e. Là cầu nối, truyền đạt thông tin giữa HĐQT, các Tiểu ban trực thuộc HĐQT, Ban điều hành trong quá trình vận hành quy định nội bộ về quản trị Công ty;

f. Là đầu mối liên lạc, tiếp nhận thông tin và tham gia giải quyết các ý kiến, khiếu nại, thắc mắc về quyền lợi của Cổ đông;

g. Ký duyệt và đóng dấu các văn bản, chứng từ thuộc phạm vi công việc được ủy quyền hoặc được phân công, phân nhiệm;

h. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Thư ký Công ty

1. Khi xét thấy cần thiết, HĐQT bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị để hỗ trợ, giúp việc cho HĐQT thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của HĐQT. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tuỳ từng thời điểm.

2. Nhiệm vụ và quyền của Thư ký Công ty bao gồm:

a. Thừa hành HĐQT để thực hiện công tác triệu tập, chuẩn bị hậu cần, tổng hợp các tài liệu tại các cuộc họp HĐQT và ĐHĐCĐ;

b. Tham dự, ghi chép Biên bản các cuộc họp HĐQT, ĐHĐCĐ. Thư ký Công ty phải ký tên vào Biên bản các cuộc họp và chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung trong các Biên bản;

c. Hỗ trợ, giúp việc cho HĐQT, các thành viên HĐQT, các Tiểu ban trực thuộc HĐQT trong việc thực hiện các chức năng, quyền hạn được giao;

d. Quản lý, lưu trữ, bảo mật, trích xuất và cung cấp (khi cần thiết) đối với các thông tin về quản trị công ty; bản sao Biên bản cuộc họp, Nghị quyết và Quyết định của HĐQT; thông tin về cổ đông,

danh sách cổ đông; và các thông tin khác có liên quan đến tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh của Công ty;

đ. Chịu sự chỉ đạo, điều phố từ Phụ trách quản trị Công ty trong việc triển khai các chức năng của Phụ trách quản trị Công ty;

e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV
TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Thông báo họp HĐQT

1. Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

2. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.

Điều 22. Điều kiện tổ chức họp HĐQT

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư số thành viên HĐQT dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định Điều này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

2. Thành viên HĐQT được coi là tham dự họp trong trường hợp sau đây: Tham dự trực tiếp tại cuộc họp; Ủy quyền cho người khác đến dự họp; Tham dự thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác.

Điều 23. Cách thức biểu quyết

1. Trừ quy định tại Khoản 2 Điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;

2. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

3. Theo quy định tại Khoản 4 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của HĐQT liên quan đến lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ toạ cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ toạ liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;

4. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 37 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

Điều 24. Biên bản cuộc họp HĐQT

1. Biên bản cuộc họp HĐQT được lập sau khi kết thúc cuộc họp để ghi nhận các diễn biến tại cuộc họp, và phải được hoàn thành trong thời gian hợp lý kể từ ngày diễn ra cuộc họp. Đối với cuộc họp HĐQT thường kỳ, Biên bản cuộc họp phải được hoàn thành trước khi diễn ra cuộc họp thường kỳ tiếp theo.

2. Biên bản họp HĐQT phải được ghi đầy đủ, trung thực. HĐQT có thể yêu cầu một thành viên HĐQT hoặc 01 (một) người khác làm thư ký ghi biên bản họp.

3. Các cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian, địa điểm họp;

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

4. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm phổ biến lại nội dung Biên bản họp cho các thành viên ngay tại cuộc họp và trước khi các thành viên ký Biên bản họp đó. Biên bản họp HĐQT được lữu giữ tại trụ sở công ty.

Điều 25. Nghị quyết HĐQT

1. Nghị quyết của HĐQT là hình thức để cụ thể hóa các nội dung đã được HĐQT biểu quyết thông qua tại cuộc họp HĐQT. Nghị quyết của HĐQT phải được hoàn thành cùng lúc với Biên bản họp HĐQT.

2. HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.

3. Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền triệu tập cuộc họp HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành Nghị quyết HĐQT.

4. Các nội dung đã được ghi nhận trong Nghị quyết của HĐQT có giá trị thực hiện kể từ thời điểm được HĐQT biểu quyết thông qua;

5. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

Điều 26. Thông báo nghị quyết HĐQT

Nghị quyết HĐQT phải được thông báo tới các bên có liên quan, công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG V
ỦY BAN KIỂM TOÁN

Điều 27. Cơ cấu tổ chức của UBKT

1. HĐQT thành lập UBKT là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị.

2. UBKT có từ 02 thành viên trở lên. Trong đó:

a. Chủ tịch UBKT phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

b. Các thành viên khác của UBKT phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

Điều 28. Cuộc họp của UBKT

1. UBKT phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên UBKT tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.

2. UBKT thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty hoặc Quy chế hoạt động UBKT quy định. Mỗi thành viên UBKT có một phiếu biểu quyết. Quyết định của UBKT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch UBKT.

Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của UBKT

a. Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của công ty;

b. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;

c. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;

d. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty;

đ. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;

e. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;

f. Giám sát nhằm bảo đảm công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của công ty;

g. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của UBKT.

h. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của UBKT.

i. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.

k. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.

l. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

m. Xây dựng Quy chế hoạt động của UBKT và trình Hội đồng quản trị thông qua.

CHƯƠNG VI

CÁC TIỂU BAN KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 30. Cơ cấu các tiểu ban

Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban khác trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị trong các phạm vi hoạt động cụ thể khi thực thi quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị. Số lượng, cơ cấu thành viên của mỗi tiểu ban khác của HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 31. Yêu cầu đối với Trưởng tiểu ban và các thành viên khác trong các Tiểu ban

1. Các Trưởng Tiểu ban phải ít nhất hàng quý thông báo cho HĐQT về tất cả các vấn đề quan trọng liên quan đến công việc của Tiểu ban.
2. Cung cấp thông tin dữ liệu đầy đủ và kịp thời trong phạm vi trách nhiệm cho HĐQT.
3. Thực hiện những biện pháp quản lý cần thiết để đảm bảo hoàn thành trách nhiệm và nhiệm vụ được giao.
4. Nắm vững nguyên tắc đạo đức kinh doanh, quy định pháp luật liên quan đến lĩnh vực do Tiểu ban phụ trách và có kinh nghiệm trong lĩnh vực hoạt động của công ty.
5. Trưởng Tiểu ban và thành viên trong Tiểu ban Nhân sự và Tiểu ban Lương thưởng cần đảm bảo tính độc lập trong việc thực hiện vai trò và trách nhiệm được giao.
6. Các thành viên trong Tiểu ban Lương thưởng phải liêm chính và nắm vững những nguyên tắc cơ bản về kinh tế, tài chính và Bộ Luật lao động.
7. Thành viên của Tiểu ban Chính sách Phát triển phải có kinh nghiệm trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty. HĐQT sẽ cân nhắc lựa chọn các thành viên có năng lực giỏi trong các lĩnh vực nghiệp vụ, có kiến thức tài chính tham gia Tiểu ban này.

Điều 32. Cuộc họp các Tiểu ban

1. Các Tiểu ban cần tổ chức họp ít nhất một (01) lần hàng quý và có thể họp thường xuyên hơn theo tình hình thực tế. Có ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số Thành viên của Tiểu ban cần phải tham dự cuộc họp và có thể tham gia dưới hình thức họp trực tuyến. Trưởng Tiểu ban sẽ phê duyệt chương trình họp, các thành viên của Tiểu ban có thể tham gia đóng góp ý kiến. Tài liệu tóm tắt nội dung họp phải được cung cấp cho các thành viên trước mỗi cuộc họp.
2. Các Tiểu ban làm việc theo cơ chế biểu quyết theo đa số. Trường hợp một số vấn đề có số biểu quyết ngang nhau thì bên biểu quyết có ý kiến của Trưởng tiểu ban sẽ là ý kiến quyết định.
3. Trong quá trình thực hiện vai trò, nhiệm vụ, các Tiểu ban có thể yêu cầu họp riêng với Ban TGĐ, những Người điều hành khác.
4. Trưởng các Tiểu ban có trách nhiệm báo cáo HĐQT về những nội dung quan trọng của các Tiểu ban sau khi kết thúc các cuộc họp.

CHƯƠNG VII
LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 33. Tiêu chuẩn người điều hành Công ty

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc điều hành, Giám đốc tài chính và một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

1. Tiêu chuẩn chung đối với TGĐ, các PTGĐ và Người điều hành doanh khác tuân thủ theo quy định của Luật doanh nghiệp và đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Luôn thể hiện tính cam kết, trung thực, có uy tín, thể hiện hành vi ứng xử theo đạo đức kinh doanh và văn hóa Công ty;
b. Có bằng cấp chuyên môn, kỹ năng tổ chức quản lý phù hợp, đưa ra các quyết định hợp lý trên cơ sở cân bằng lợi ích của các bên liên quan;
c. Có kinh nghiệm trong lĩnh vực hoạt động của Công ty.
2. Tiêu chuẩn đối với TGĐ, các PTGĐ:
a. Đạt tiêu chuẩn chung quy định tại Khoản 1 nêu trên;
b. Có trình độ đại học trở lên;
c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế về quản trị kinh doanh trong hoạt động kinh doanh của Công ty;
d. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thực hiện hoạt động quản lý doanh nghiệp;
e. Có kỹ năng và năng lực dẫn dắt tổ chức hướng tới mục tiêu, chiến lược được phê duyệt của Công ty; hiểu rõ năng lực của nhân viên và kết nối nguồn lực trong Công ty, biết cách tạo ảnh hưởng và có khả năng dẫn dắt tổ chức theo những định hướng mới.
3. Ban TGĐ phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
4. TGĐ, PTGĐ, GĐ Tài chính không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đảm bảo các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp và điều lệ công ty.

Điều 34. Bổ nhiệm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác

1. Bổ nhiệm TGĐ, các PTGĐ và những Người điều hành khác thuộc thẩm quyền của HĐQT:
a. HĐQT bổ nhiệm TGĐ, các PTGĐ, Giám đốc Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng của Công ty; cử/bãi nhiệm người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc ĐHĐCĐ ở các Công ty khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;
b. HĐQT tổ chức họp để biểu quyết thông qua việc bổ nhiệm/cử/miễn nhiệm/bãi nhiệm chức danh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này.
2. Bổ nhiệm Người điều hành khác:
TGĐ có quyền kiến nghị HĐQT bổ nhiệm Người điều hành và các chức danh khác trong Công ty theo quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 32 Điều lệ Công ty.

Điều 35. Ký hợp đồng lao động, thù lao và các quyền lợi khác đối với TGĐ, PTGĐ và những Người điều hành khác

1. HĐQT thực hiện quyết định ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, mức thù lao, lương, thưởng, các lợi ích phi vật chất khác đối với TGĐ, các PTGĐ và những Người điều hành khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT.
2. Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký kết hợp đồng với TGĐ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. TGĐ ký hợp đồng lao động với PTGĐ, những Người điều hành khác theo thẩm quyền và/hoặc sau khi được HĐQT phê duyệt (đối với các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT).

Điều 36. Miễn nhiệm và bãi nhiệm đối với TGĐ, PTGĐ và người điều hành khác

1. Trường hợp miễn nhiệm:
a. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Công ty;
b. Hết hợp đồng lao động hoặc nghỉ hưu và không có nhu cầu gia hạn/tái ký hợp đồng;

c. Sức khỏe không đảm bảo thực hiện công việc có xác nhận của cơ sở y tế có chuyên môn.

2. Các trường hợp bãi nhiệm:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty;

b. Vi phạm pháp luật ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.

3. Thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm:

a. HĐQT tổ chức họp để thông qua việc miễn nhiệm, bãi nhiệm TGĐ, các PTGĐ, các chức danh quản lý khác thuộc thẩm quyền của HĐQT và được thực hiện bằng văn bản.

b. TGĐ thực hiện miễn nhiệm, bãi nhiệm Người điều hành khác trong Công ty theo thẩm quyền.

Điều 37. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành Công ty

Công ty phải thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc theo quy chế công bố thông tin cũng như thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán, các quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VIII
PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 38. Nguyên tắc phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

1. Phân cấp quyền hạn trách nhiệm giữa HĐQT, Tiểu ban của HĐQT và TGĐ được thực hiện theo Điều lệ Công ty và theo Quy chế này.

2. HĐQT thực hiện giám sát việc thực hiện triển khai chiến lược, kế hoạch kinh doanh của TGĐ theo nguyên tắc tuân thủ, hiệu quả và kịp thời:

a. Tính tuân thủ: TGĐ được quyền chủ động mọi hoạt động quản lý và kinh doanh, mà các hoạt động đó không bị Pháp luật cấm, nhưng phải đảm bảo tính hiệu quả trong suốt quá trình kinh doanh;

b. Tính hiệu quả: TGĐ triển khai kế hoạch kinh doanh đã được phê duyệt với mục tiêu đạt kết quả tối thiểu bằng hoặc hơn kế hoạch kinh doanh đã đề ra, ngay khi có dấu hiệu hoạt động đạt mức kém hơn hoặc có nguy cơ tiềm ẩn rủi ro cho kế hoạch kinh doanh thì cần báo cáo/trao đổi với HĐQT để HĐQT có ý kiến và điều chỉnh kịp thời (nếu có);

c. Tính kịp thời: TGĐ thực hiện chế độ báo cáo chậm nhất là 25 ngày làm việc đầu tiên tháng tiếp theo của quý, năm đó khi thực hiện các chức năng điều hành, quản lý để triển khai chiến lược kinh doanh, kế hoạch kinh doanh. Việc thực hiện hoạt động giám sát của HĐQT giúp hỗ trợ tối đa hoạt động quản lý, điều hành của TGĐ và qua đó thực hiện đánh giá năng lực của TGĐ.3. TGĐ có quyền quyết định cao nhất về mọi hoạt động điều hành hàng ngày của Công ty, là người chịu trách nhiệm thực hiện các Nghị quyết của HĐQT đã được thành viên HĐQT thông qua và kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua.

4. TGĐ, các PTGĐ có quyền bảo lưu ý kiến phản đối quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT nếu nhận định rằng quyết định này trái pháp luật hoặc gây tổn hại cho quyền lợi của cổ đông. Trong trường hợp này, TGĐ và/hoặc các PTGĐ phải có báo cáo giải trình ngay với HĐQT và UBKT. Nếu TGĐ và/hoặc các PTGĐ vẫn phải thực hiện theo quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT mà những quyết định này được TGĐ và/hoặc các PTGĐ nhận định là trái pháp luật và có giải trình bằng văn bản thì sẽ được miễn trừ trách nhiệm trong trường hợp thực hiện quyết định làm thiệt hại cho Công ty.

Điều 39. Thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị, Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc

1. TGĐ định kỳ chịu trách nhiệm báo cáo tình hình hoạt động của Công ty, báo cáo việc thực hiện quyền hạn và trách nhiệm được giao như quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Quy chế này.

2. TGĐ phải đề nghị triệu tập họp HĐQT để xin ý kiến HĐQT trong các trường hợp:
a. Có những nội dung vượt thẩm quyền theo ủy quyền của HĐQT cho TGĐ và/hoặc các PTGĐ;
b. Có các vấn đề trọng yếu phát sinh khi thực hiện Nghị quyết của HĐQT;
c. Có phát sinh các giao dịch mà TGĐ, các PTGĐ và những Người điều hành khác là một bên liên quan;
d. Phát sinh xung đột quyền, nghĩa vụ giữa TGĐ, các PTGĐ và HĐQT;
e. Có khủng hoảng phát sinh với thẩm quyền xử lý vượt quá thẩm quyền của TGĐ và các PTGĐ;
f. Một số trường hợp cần thiết khác.
3. HĐQT có quyền ra quyết định bằng văn bản để đình chỉ, hủy bỏ các quyết định của TGĐ, các PTGĐ và Người điều hành khác nếu thấy có cơ sở cho rằng quyết định đó vi phạm pháp luật, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Quyết định của HĐQT hoặc ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích của Công ty và của Cổ đông.
4. Trong một số trường hợp TGĐ cần có trách nhiệm gặp và xin ý kiến của HĐQT.
5. Các tiểu ban trực thuộc HĐQT phối hợp hoạt động điều hành, kiểm soát và giám sát hoạt động của TGĐ, PTGĐ, những Người điều hành khác thông qua quy chế hoạt động của các Tiểu ban của HĐQT.
6. Trong trường hợp cần thiết, các thành viên HĐQT có quyền yêu cầu TGĐ, các PTGĐ và Người điều hành khác cung cấp thông tin về hoạt động của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của HĐQT theo đúng quy định của pháp luật.
7. Phối hợp của UBKT:
UBKT có thể đề nghị HĐQT xem xét lại các quyết định của TGĐ căn cứ vào báo cáo hoạt động thường kỳ và các nguồn thông tin được cung cấp để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của UBKT.
Trong quá trình thực hiện rà soát của UBKT, nếu UBKT phát hiện các quyết định của TGĐ có dấu hiệu vi phạm pháp luật, Điều lệ công ty và có thể gây thiệt hại lớn về uy tín, vật chất của Công ty, UBKT sau khi lấy ý kiến đánh giá của phòng ban chuyên môn hoặc chuyên gia am hiểu lĩnh vực có liên quan về khả năng có thể vi phạm pháp luật thì UBKT có quyền gửi thông báo cho TGĐ tạm dừng quyết định đó và phải đồng thời thông báo ý kiến của UBKT với các thành viên HĐQT.
8. Những cuộc họp nội bộ của Công ty có tính chất quan trọng như liên quan đến cơ chế, chính sách, hướng phát triển trung, dài hạn hoặc giải quyết những vướng mắc lớn của Công ty thì TGĐ phải mời HĐQT và các Tiểu ban của HĐQT có liên quan tham dự.
9. TGĐ và các PTGĐ có thể quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp bất khả kháng (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn,...) nhằm mục đích hạn chế thiệt hại xảy ra cho Công ty nhưng phải chịu trách nhiệm cá nhân về những quyết định đó. TGĐ và các PTGĐ phải báo cáo ngay cho Chủ tịch HĐQT và Trưởng UBKT sau khi ra quyết định vượt thẩm quyền nêu trên.
10. TGĐ chịu trách nhiệm trước HĐQT đối với các quyết định của mình.

CHƯƠNG IX

CƠ CHẾ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 40. Quy định về đánh giá, khen thưởng, kỷ luật hàng năm đối với hoạt động của thành viên HĐQT, TGĐ và Người điều hành khác

1. Đánh giá hoạt động của HĐQT
a. Việc đánh giá hoạt động của HĐQT và các tiểu ban của HĐQT được dựa trên các khía cạnh:
- Kết quả doanh thu, lợi nhuận và các chỉ số phi tài chính khác;
- Tỷ lệ thành viên độc lập HĐQT, không điều hành, điều hành trong cơ cấu thành viên HĐQT;

- Số lượng các cuộc họp của HĐQT, của các tiểu ban của HĐQT và các nội dung được đề ra trong từng cuộc họp;
- Số lượng các trường hợp về xung đột lợi ích có xảy ra;
- Việc tuân thủ quy định trong bảo mật thông tin;
- Số lượng chương trình đào tạo về Quản trị công ty có thành viên HĐQT tham gia;
- Các chính sách mới được phát triển và ban hành.

b. Việc đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT, các tiểu ban của HĐQT được thực hiện thông qua:
- Tự đánh giá; và
- Đánh giá kín lẫn nhau giữa các thành viên HĐQT, giữa các thành viên trong cùng một tiểu ban. Trong một số trường hợp, được sự nhất trí của các thành viên HĐQT, thành viên các tiểu ban, việc đánh giá này có thể có sự phối hợp của một bên thứ ba là cố vấn pháp lý hoặc đơn vị tư vấn độc lập được quyết định tại từng thời điểm;
- Căn cứ vào kết quả đánh giá này, các thành viên HĐQT, các thành viên tiểu ban sẽ được tham gia các chương trình tập huấn, đào tạo để phát triển kiến thức và kỹ năng dành cho thành viên HĐQT để hoàn thành nhiệm vụ và trách nhiệm của mình.

2. Đánh giá hoạt động của TGĐ và Người điều hành khác

a. HĐQT xây dựng quy định chi tiết đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là TGĐ và Người điều hành khác. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động của TGĐ và Người điều hành phải bảo đảm hài hòa lợi ích giữa cơ cấu tổ chức nhân sự với lợi ích lâu dài của Công ty và Cổ đông.

b. Quy định xây dựng và ban hành để đánh giá hoạt động của TGĐ và Người điều hành khác cần dựa trên các khía cạnh:
- Thực hiện mục tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Trách nhiệm và nghĩa vụ của các cán bộ quản lý cấp cao;
- Năng lực và kỹ năng của các cán bộ quản lý cấp cao.

3. Khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, TGĐ và Người điều hành khác

a. HĐQT xây dựng quy định về chế độ khen thưởng và kỷ luật đối với HĐQT, Ban TGĐ và người điều hành doanh nghiệp.

b. Việc khen thưởng và kỷ luật được thực hiện trên nguyên tắc:
- Hình thức khen thưởng có thể bằng tiền hoặc hình thức phi vật chất;
- Khen thưởng đối với TGĐ và Người điều hành khác được căn cứ vào tình hình kinh doanh hàng năm của Công Ty;
- Kỷ luật: Thành viên HĐQT, TGĐ và Người điều hành khác khi thực hiện nhiệm vụ có hành vi vi phạm pháp luật hoặc quy định của Công ty sẽ căn cứ theo mức độ vi phạm để xử lý kỷ luật, hoặc các chế tài khác. Trường hợp các cá nhân này vi phạm quy định của pháp luật và vi phạm quy định của Công ty làm ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì các cá nhân này sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG X
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 41. Sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị Công ty phải được ĐHĐCĐ thông qua.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này nhưng đã được quy định trong Điều lệ Công ty hoặc pháp luật có

quy định hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Điều lệ Công ty, quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 42. Điều khoản thi hành

Các Thành viên HĐQT, UBKT, các Tiểu ban khác của HĐQT, Ban TGĐ, những Người điều hành khác, các cổ đông, các bên có lợi ích liên quan của Công ty có trách nhiệm tuân thủ Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cá nhân báo cáo bằng văn bản lên HĐQT Công ty. HĐQT xem xét việc cần thiết sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị Công ty và trình ĐHĐCĐ quyết định.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
Chủ tịch Hội đồng quản trị

LÊ HOÀI NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA
(Mã chứng khoán: HVA)

PHIẾU BIỂU QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Cổ đông: NGUYỄN VĂN A

Số ĐKSH/CMND: XXXXXXXXXXXX

Số lượng cổ phần sở hữu: X Cổ phần

Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: X Cổ phần

Tổng số lượng cổ phần biểu quyết: X Cổ phần

Hà Nội, ngày tháng năm 2021
CỔ ĐÔNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

CÁC NỘI DUNG BIỂU QUYẾT

Quý cổ đông đánh dấu vào ô Ý kiến lựa chọn theo từng nội dung biểu quyết

Nội dung 1: Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị

☐ Tán thành ☐ Không tán thành ☐ Không có ý kiến

Nội dung 2: Thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả kinh doanh của công ty và kế hoạch kinh doanh năm 2021

☐ Tán thành ☐ Không tán thành ☐ Không có ý kiến

Nội dung 3: Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020

☐ Tán thành ☐ Không tán thành ☐ Không có ý kiến

Nội dung 4: Thông qua Tờ trình quyết toán thù lao cho HĐQT năm 2020 và dự kiến kế hoạch năm 2021

☐ Tán thành ☐ Không tán thành ☐ Không có ý kiến

Nội dung 5: Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2021

☐ Tán thành ☐ Không tán thành ☐ Không có ý kiến

Nội dung 6: Thông qua việc bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2024

☐ Tán thành ☐ Không tán thành ☐ Không có ý kiến

Nội dung 7: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành

☐ Tán thành ☐ Không tán thành ☐ Không có ý kiến

Nội dung 8: Thông qua việc cập nhật, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Công ty cho phù hợp với pháp luật hiện hành

☐ Tán thành ☐ Không tán thành ☐ Không có ý kiến

Nội dung 9: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty

☐ Tán thành ☐ Không tán thành ☐ Không có ý kiến

Nội dung 10: Thông qua tờ trình Thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị

☐ Tán thành ☐ Không tán thành ☐ Không có ý kiến

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA
(Mã chứng khoán: HVA)

PHIẾU BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Cổ đông: .....

Số ĐKSH/CMND: .....

Số cổ phần	Tổng số phiếu bầu = Số cổ phần có quyền biểu quyết x 02 thành viên HĐQT được bầu
.....	.....

Số thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 - 2024 được bầu: 02 thành viên

STT	Họ và tên ứng viên	Số phiếu bầu (chọn 1 trong 2 cách dưới đây)	
		Chia đều tổng số phiếu cho 02 ứng viên được chọn *(Đánh dấu "x" vào 02 ứng viên được chọn)*	Bầu số lượng cụ thể cho từng ứng viên *(Viết số lượng cụ thể phiếu bầu cho ứng viên)*
1	.....	☐	.....
2	.....	☐	.....
3	.....	☐	.....
4	.....	☐	.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

CỔ ĐÔNG/NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ HVA
Số: ...../2021/BB-ĐHĐCĐ/HVA

DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Hà Nội, ngày tháng năm 2021

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

A. THÔNG TIN CÔNG TY

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA (Mã chứng khoán: HVA)

Địa chỉ trụ sở chính: Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0104659943 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 14/08/2020.

B. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

1. Thời gian: 08 giờ 00 phút, thứ 2 ngày 24/05/2021.

2. Địa điểm: Tầng 3, Tòa nhà SME Hoàng Gia, số 6 Tô Hiệu, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

C. KHAI MẠC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

I. Thành phần tham dự, tính hợp pháp, hợp lệ của ĐHDCĐ:

1. Thành phần tham dự, khách mời ĐHĐCĐ

- Các cổ đông sở hữu cổ phiếu HVA theo Danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chốt ngày 26/04/2021 hoặc những người được ủy quyền hợp lệ;
- Công ty cổ phần Đầu tư HVA:

+ Các thành viên Hội đồng quản trị;

+ Ban điều hành;

+ Cán bộ công nhân viên Công ty

2. Tính hợp pháp, hợp lệ của ĐHĐCĐ

Đại hội đã nghe Ông/bà: .....- Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông công bố kết quả kiểm tra tư cách cổ đông và đại diện cổ đông dự họp như sau:

- Tổng số cổ đông và đại diện cổ đông được quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 là 284 cổ đông, sở hữu và đại diện cho tổng số 5.650.000 cổ phần, tương đương với 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Tổng số cổ đông và đại diện thực tế dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 là ..... cổ đông, sở hữu và đại diện cho .....cổ phần, tương đương với .....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty *(số liệu tính đến .....phút thời điểm kiểm tra tư cách cổ đông).*
- Tại thời điểm biểu quyết: có ..... cổ đông, sở hữu và đại diện cho .....cổ phần, tương đương với .....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (Danh sách kèm theo).

- Tại thời điểm bầu cử: có …….. cổ đông, sở hữu và đại diện cho ……cổ phần, tương đương với ……..% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (Danh sách kèm theo).
- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư HVA, phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Đầu tư HVA ngày 24/05/2021 là hợp pháp, hợp lệ và hội tụ đủ điều kiện để tiến hành.

II. Khai mạc Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đã tiến hành các thủ tục:

- Tuyên bố lý do tổ chức Đại hội
- Giới thiệu Ông **Lê Hoài Nam** – là Chủ tọa điều hành Đại hội
- Giới thiệu Đoàn chủ tịch, Ban thư ký Đại hội và đề xuất Ban kiểm phiếu để Đại hội lựa chọn.

2.1. Chủ tọa và bộ phận giúp việc Chủ tọa

Đại hội đã thông qua Đoàn chủ tịch gồm 03 người:

- Ông/bà…… : Chủ tịch Hội đồng quản trị - Chủ tọa Đại hội
- Ông/bà…… : Tổng Giám đốc - Thành viên Đoàn chủ tịch
- Ông/bà…… : Giám tốc Tài chính - Thành viên Đoàn chủ tịch

2.2. Thư ký Đại hội

Đại hội đã thông qua Thư ký Ông/bà:……

2.3. Ban kiểm phiếu

Đại hội đã thông qua Ban kiểm phiếu gồm các thành viên sau:

- Ông/bà…… : Trưởng ban
- Ông/bà…… : Thành viên
- Ông/bà…… : Thành viên

3. Chương trình Đại hội và Quy chế Đại hội

- Đại hội đã nghe Ông/bà ……- thay mặt Đoàn chủ tịch đọc Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, Quy chế làm việc, Nguyên tắc, thể lệ biểu quyết áp dụng tại Đại hội.
- Đại hội đã nhất trí 100% thông qua nội dung Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc, Nguyên tắc, thể lệ biểu quyết áp dụng tại Đại hội.

D. CÁC NỘI DUNG VÀ DIỄN BIẾN CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

I. Các báo cáo và tờ trình tại ĐHĐCĐ

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị

Đại hội đã nghe Ông Vương Lê Vĩnh Nhân – Tổng Giám đốc Công ty trình bày Báo cáo của Hội đồng quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị. *(Đính kèm chi tiết Báo cáo)*

2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả kinh doanh của công ty và kế hoạch kinh doanh năm 2021

Đại hội đã nghe Ông Vương Lê Vĩnh Nhân – Tổng Giám đốc Công ty trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả kinh doanh của công ty và kế hoạch kinh doanh năm 2021. *(Đính kèm chi tiết Báo cáo)*

3. Tờ trình thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020

Đại hội đã nghe Ông Lê Văn An – Giám đốc Tài chính Công ty trình bày Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020. *(Đính kèm chi tiết Tờ trình)*

4. Tờ trình thông qua quyết toán thù lao cho HĐQT năm 2020 và dự kiến kế hoạch năm 2021

Đại hội đã nghe Ông Lê Văn An – Giám đốc Tài chính Công ty trình bày Tờ trình về việc thông qua báo cáo thù lao cho Hội đồng quản trị năm 2020; Phương án trả thù lao cho Hội đồng quản trị năm 2021. *(Đính kèm chi tiết Tờ trình)*

5. Tờ trình thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2021

Đại hội đã nghe Ông Lê Văn An – Giám đốc Tài chính Công ty trình bày Tờ trình về việc đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty *(Đính kèm chi tiết Tờ trình)*

6. Tờ trình bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2024

Đại hội đã nghe Ông Lê Văn An – Giám đốc Tài chính Công ty trình bày Tờ trình về việc đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty *(Đính kèm chi tiết Tờ trình)*

7. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành

Đại hội đã nghe Ông Lê Văn An – Giám đốc Tài chính Công ty trình bày Tờ trình về việc thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành *(Đính kèm chi tiết Tờ trình)*

8. Tờ trình cập nhật, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Công ty cho phù hợp với pháp luật hiện hành

Đại hội đã nghe Ông Lê Văn An – Giám đốc Tài chính Công ty trình bày Tờ trình về việc thông qua cập nhật, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Công ty cho phù hợp với pháp luật hiện hành *(Đính kèm chi tiết Tờ trình)*

9. Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty

Đại hội đã nghe Ông Lê Văn An – Giám đốc Tài chính Công ty trình bày Tờ trình về việc thông qua sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty *(Đính kèm chi tiết Tờ trình)*

10. Tờ trình thông qua việc thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị

Đại hội đã nghe Ông Lê Văn An – Giám đốc Tài chính Công ty trình bày Tờ trình thông qua việc thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị *(Đính kèm chi tiết Tờ trình)*

II. Thảo luận của Cổ đông tại Đại hội

Ý kiến 1:.....

Ý kiến 2:.....

III. Đại hội tiến hành biểu quyết bằng phiếu biểu quyết các nội dung tại ĐHĐCĐ

Các cổ đông và đại diện được ủy quyền tham dự đại hội đã tiến hành biểu quyết thông qua bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết các nội dung sau:

Vấn đề 1: Báo cáo của Hội đồng quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị

Vấn đề 2: Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả kinh doanh của công ty và kế hoạch kinh doanh năm 2021

Vấn đề 3: Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020

Vấn đề 4: Tờ trình thông qua quyết toán thù lao cho HĐQT năm 2020 và dự kiến kế hoạch năm 2021

Vấn đề 5: Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2021

Vấn đề 6: Thông qua bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2024
Vấn đề 7: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành
Vấn đề 8: Thông qua việc cập nhật, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Công ty cho phù hợp với pháp luật hiện hành
Vấn đề 9: Thông qua sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty
Vấn đề 10: Thông qua việc thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị

❖ ***Kết quả Biểu quyết từng nội dung như sau:***

Ông/bà: ..... – Trưởng Ban kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết như sau:

- Tổng số phiếu phát ra: .....phiếu, đại diện cho .....% cổ phần có quyền biểu quyết;
- Tổng số phiếu thu về: ..... Phiếu.

Kết quả biểu quyết từng nội dung như sau:

1. ***Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị***

Phương án	Số phiếu	Số cổ phần đại diện	% số CPBQ dự họp
Tán thành			
Không tán thành			
Không có ý kiến			
Không hợp lệ			

2. ***Thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả kinh doanh của công ty và kế hoạch kinh doanh năm 2021***

Phương án	Số phiếu	Số cổ phần đại diện	% số CPBQ dự họp
Tán thành			
Không tán thành			
Không có ý kiến			
Không hợp lệ			

3. ***Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020***

Phương án	Số phiếu	Số cổ phần đại diện	% số CPBQ dự họp
Tán thành			
Không tán thành			
Không có ý kiến			
Không hợp lệ			

4. ***Tờ trình thông qua quyết toán thù lao cho HĐQT năm 2020 và dự kiến kế hoạch năm 2021***

Phương án	Số phiếu	Số cổ phần đại diện	% số CPBQ dự họp
Tán thành			
Không tán thành			
Không có ý kiến			

Không hợp lệ			

5. Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2021

Phương án	Số phiếu	Số cổ phần đại diện	% số CPBQ dự họp
Tán thành			
Không tán thành			
Không có ý kiến			
Không hợp lệ			

6. Thông qua bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2024

Phương án	Số phiếu	Số cổ phần đại diện	% số CPBQ dự họp
Tán thành			
Không tán thành			
Không có ý kiến			
Không hợp lệ			

7. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành

Phương án	Số phiếu	Số cổ phần đại diện	% số CPBQ dự họp
Tán thành			
Không tán thành			
Không có ý kiến			
Không hợp lệ			

8. Thông qua việc cập nhật, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Công ty cho phù hợp với pháp luật hiện hành

Phương án	Số phiếu	Số cổ phần đại diện	% số CPBQ dự họp
Tán thành			
Không tán thành			
Không có ý kiến			
Không hợp lệ			

9. Thông qua sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty

Phương án	Số phiếu	Số cổ phần đại diện	% số CPBQ dự họp
Tán thành			
Không tán thành			
Không có ý kiến			
Không hợp lệ			

10. Thông qua việc thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị

Phương án	Số phiếu	Số cổ phần đại diện	% số CPBQ dự họp

Tán thành			
Không tán thành			
Không có ý kiến			
Không hợp lệ			

IV. Bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2024

1. Đại hội đã tiến hành bầu thành viên HĐQT theo hình thức bầu dồn phiếu và bỏ phiếu kín.

- Ông/bà: ..... – Trưởng Ban kiểm phiếu công bố kết quả bầu cử như sau:

❖ **Kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2024:**

- Tổng số phiếu phát ra: .....phiếu, đại diện cho .....cổ phần có quyền bầu cử;
- Tổng số phiếu thu về: ..... Phiếu, trong đó:

+ Số phiếu hợp lệ: .....phiếu, đại diện cho .....% cổ cần có quyền bầu cử;

+ Số phiếu không hợp lệ: .....phiếu, đại diện cho .....% cổ cần có quyền bầu cử.

STT	Họ và tên ứng viên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ (%)
1			
2			
...			

Như vậy, Danh sách trúng cử thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2020-2024 như sau:

1. .....- Tỷ lệ .....%
2. .....- Tỷ lệ .....%

2. Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Đầu tư HVA sau khi bầu bổ sung gồm có các thành viên sau:

- Ông Lê Hoài Nam – Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2020-2024;
- Ông Vương Lê Vĩnh Nhân – Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2022;
- Ông Lê Văn An - Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2024;
- Ông Nguyễn Minh Duy - Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2024;
- Ông Nguyễn Vũ Phương - Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2024;
- Ông/bà ..... - Thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2020-2024;
- Ông/bà ..... - Thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2020-2024.

E. THỦ TỤC KẾT THÚC ĐẠI HỘI

- Ông/bà .....- Thư ký Đại hội trình bày Biên bản và Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Đầu tư HVA.
- Đại hội biểu quyết thông qua toàn văn Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, đạt tỷ lệ .....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội tán thành.
- Đại hội bế mạc hồi ..... ngày ...../...../2021.
- Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được lập thành 03 (ba) bản lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI | **TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY**
CHỦ TỌA

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ HVA
Số: HVA/2021/NQ-ĐHĐCĐ/HVA

DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Hà Nội, ngày tháng năm 2021

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư HVA;*
- *Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Đầu tư HVA ngày .../.../2021.*

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG NHẤT QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông bất thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Đầu tư HVA thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị *(Chi tiết tại tờ trình số .....);*
2. Thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả kinh doanh của công ty và kế hoạch kinh doanh năm 2021 *(Chi tiết tại tờ trình số .....);*
3. Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 *(Chi tiết tại tờ trình số .....);*
4. Thông qua quyết toán thù lao cho HĐQT năm 2020 và dự kiến kế hoạch năm 2021 *(Chi tiết tại tờ trình số .....);*
5. Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2021 *(Chi tiết tại tờ trình số .....);*
6. Thông qua bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2024 *(Chi tiết tại tờ trình số .....);*

6.1. Thông qua kết quả bầu bổ sung thành viên độc lập Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2024:

- Danh sách các ứng viên được bầu bổ sung làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2024 gồm:

(i) Ông/bà.....

(ii) Ông/bà.....

7. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành *(Chi tiết tại tờ trình số .....);*
8. Thông qua việc cập nhật, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Công ty cho phù hợp với pháp luật hiện hành *(Chi tiết tại tờ trình số .....);*
9. Thông qua sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty *(Chi tiết tại tờ trình số .....);*
10. Thông qua việc thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị *(Chi tiết tại tờ trình số .....);*

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư HVA giao cho Hội đồng quản trị triển khai thực hiện các nội dung trên theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, toàn thể cổ đông của Công ty cổ phần Đầu tư HVA, các đơn vị và cá nhân liên quan căn cứ Nghị quyết này để thực hiện.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Đầu tư HVA thông qua và có hiệu lực kể từ ngày...../...../2021.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư HVA, Ban Tổng giám đốc và các phòng/ban/đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này, đảm bảo lợi ích của cổ đông, Công ty và tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các cổ đông, website;
- UBCKNN, HNX;
- HĐQT, BTGĐ;
- Lưu VP.

T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY
CHỦ TỌA